
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2024

www.vcbs.com.vn



Mục lục

I.	Thông tin chung	3
1.	Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc.....	3
2.	Thông tin khái quát	4
3.	Quá trình hình thành và phát triển.....	4
4.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	9
5.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	10
6.	Định hướng phát triển	10
7.	Các rủi ro và Công tác Quản trị rủi ro.....	10
II.	Tình hình hoạt động trong năm 2024	12
1.	Tổng quan về kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2024	12
2.	Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024.....	13
3.	Tổ chức và nhân sự	13
4.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	15
5.	Tình hình tài chính	15
6.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	18
7.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	18
III.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	19
1.	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024	19
1.1.	Khách hàng Tổ chức.....	19
1.2.	Khách hàng doanh nghiệp	20
1.3.	Khách hàng cá nhân	22
2.	Tình hình tài chính năm 2024	24
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	24
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	24
5.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.....	24
IV.	Quản trị công ty	25
1.	Hội đồng thành viên	25
2.	Ban kiểm soát.....	25
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.....	25
V.	Mạng lưới hoạt động	26
VI.	Báo cáo tài chính kiểm toán	28

I. Thông tin chung

1. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng thành viên

Năm 2024 tiếp tục chứng kiến những biến động mạnh mẽ về bối cảnh kinh tế và địa chính trị toàn cầu. Tăng trưởng kinh tế có cải thiện, nhưng sự phân hóa giữa các khu vực ngày càng rõ rệt. Trong khi các nền kinh tế phát triển thu hút dòng vốn mạnh mẽ, các nền kinh tế đang phát triển phải đối mặt với sự phục hồi chậm chạp và dòng vốn tháo chạy. Các cuộc xung đột quân sự kéo dài, như Nga – Ukraine và tình hình căng thẳng tại Trung Đông, tiếp tục gây gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, ảnh hưởng đến giá cả và tăng trưởng kinh tế.

Thị trường Chứng khoán Việt Nam, trước những thách thức của nền kinh tế thế giới, tiếp tục đánh dấu một năm nhiều thăng trầm. Mặc dù có khởi đầu tương đối thuận lợi và tích cực, VN-Index ghi nhận xu hướng giảm dần từ đầu Q2/2024 cho đến giai đoạn cuối năm, sau đó kết thúc năm 2024 ở 1.266,78 điểm, tăng 12,1% so với 2023 với thanh khoản thị trường đạt bình quân 21.027 tỷ/phiên trên cả ba sàn.

Mặc dù phải đối mặt với những diễn biến phức tạp và khó lường của thị trường Chứng khoán, VCBS đã đạt được những kết quả kinh doanh tích cực so với các công ty trên thị trường. Tổng doanh thu của Công ty đạt 1.519,7 tỷ đồng với tổng lợi nhuận trước thuế đạt 633,76 tỷ đồng. Về thị phần kinh doanh, năm 2025, VCBS lọt top 10 Công ty Chứng khoán (CTCK) có thị phần môi giới cổ phiếu lớn nhất trên cả ba sàn HOSE, HNX và UPCoM. Bên cạnh đó, đối với công tác phát triển và mở rộng tập khách hàng VCBS cũng đạt được những thành tựu nhất định. Với việc phát triển tính năng mới trên VCBS Mobile App cũng như liên kết App Vietcombank Digibank và đặc biệt là ra mắt thành công tính năng E-Contract – Ký kết hợp đồng mở tài khoản điện tử, VCBS ghi nhận hơn 27.000 tài khoản mở mới thành công trong năm 2024. Với sự thành công của tính năng E-Contract, VCBS được vinh danh trong hạng mục “TOP 10 Ngân hàng, Bảo hiểm, Chứng khoán” với sản phẩm “Giải pháp mở tài khoản E-Contract” trong khuôn khổ Chương trình “Tin dùng Việt Nam 2024” do Tạp chí Kinh tế Việt Nam – VnEconomy tổ chức.

Bên cạnh mảng bán lẻ, VCBS tiếp tục củng cố vị thế và uy tín trên thị trường trong việc phát triển các công cụ tài chính xanh với thương vụ tư vấn và đại lý phát hành thành công 1.000 tỷ đồng trái phiếu xanh cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I vào tháng 10/2024. Đây là trái phiếu xanh đầu tiên phát hành bằng đồng nội tệ tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương bởi một doanh nghiệp hoạt động sản xuất theo hướng bền vững trong ngành thủy hải sản.

Không chỉ đạt được những thành tựu vượt trội về mặt tài chính, VCBS còn vinh dự được cộng đồng và các tổ chức uy tín ghi nhận qua hàng loạt giải thưởng danh giá trong năm 2024. Công ty tự hào nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài Chính “Đã có thành tích xuất sắc, đóng góp cho sự phát triển của thị trường trái phiếu chính phủ (TPCP) trong giai đoạn 2020-2024, góp phần vào sự phát triển của kinh tế – xã hội đất nước”, tiếp tục được vinh danh là “Thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2024” bởi Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC). Ngoài ra, tháng 12/2024, theo công bố của Hội đồng ESG (Environmental, Social and Governance – Môi trường, Xã hội và Quản trị doanh nghiệp) chủ trì bởi Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (VASB), VCBS lọt top 3 Công ty Chứng khoán dẫn đầu về thực hành ESG trên tổng số 34 Công ty Chứng khoán tại Việt Nam. Kết quả là minh chứng cho cam kết của VCBS trong việc kết hợp giữa tăng trưởng kinh doanh và trách nhiệm xã hội, ESG không chỉ là một tiêu chuẩn mà còn là giá trị cốt lõi trong chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Đạt được những kết quả khả quan đó, bên cạnh sự quản trị, điều hành của Ban lãnh đạo Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) và Ban Lãnh đạo Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) còn phải kể đến sự đoàn kết, nỗ lực của tập thể cán bộ nhân viên Công ty.

Bước sang năm 2025, mặc dù nền kinh tế được dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam vẫn được kỳ vọng sẽ tăng trưởng mạnh mẽ với những cơ hội từ việc nâng hạng thị trường hay triển khai vận hành Hệ thống KRX. Bám sát định hướng của Ngân hàng mẹ, quán

triệt phượng thâm hành động “Đổi mới, Hiệu quả, Bền vững” với quan điểm chỉ đạo điều hành “Trách nhiệm – Kỷ cương – Kết nối – Sáng tạo”, VCBS sẽ ưu tiên nguồn lực, đặc biệt tập trung kết nối, khai thác hiệu quả hệ sinh thái Vietcombank và quyết liệt hơn nữa trong việc triển khai các chương trình hành động chuyển đổi, sáng tạo, phát triển tính năng/tiện ích cho khách hàng để phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu giao dịch và mang lại trải nghiệm số vượt trội hơn cho khách hàng.

Đặc biệt, trong năm 2025, VCBS sẽ đẩy mạnh hơn nữa công tác gia tăng quy mô vốn, với mục tiêu đem đến cho khách hàng những gói sản phẩm dịch vụ ngày càng hoàn thiện và các chính sách ưu đãi hấp dẫn và xa hơn nữa là trở thành Ngân hàng Đầu tư hàng đầu Việt Nam.

VCBS luôn cam kết là đối tác đáng tin cậy, an toàn đối với khách hàng, cộng đồng nhà đầu tư, các doanh nghiệp, tổ chức định chế tài chính trong nước và quốc tế và sẽ không ngừng nỗ lực đóng góp tích cực vào sự phát triển của thị trường Chứng khoán Việt Nam.

2. Thông tin khái quát

Tên công ty: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCBS).

Tên Tiếng Anh: Vietcombank Securities Company Limited

Ngày thành lập: 07/01/2002 theo Quyết định số 27/QĐ-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

Giấy phép Thành lập và Hoạt động: số 09/GPHĐKD ngày 24 tháng 04 năm 2002 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy phép điều chỉnh mới nhất: số 02/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 03 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ: 2.500.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai nghìn năm trăm tỷ đồng).

Vốn chủ sở hữu: 4.506.235.252.978 đồng (Bằng chữ: Bốn nghìn năm trăm linh sáu tỷ, hai trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm bảy mươi tám đồng).

Trụ sở chính: Tầng 5-6-7-8 Tòa nhà Thủ Đô, Số 72 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tel: (84-24)-3936 6990 / **Fax:** (84-24)-3936 0262

Website: www.vcbs.com.vn

3. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 2002

- VCBS chính thức được thành lập ngày 07/01/2002 theo Quyết định số 27/QĐ-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT) Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.
- Công ty Chứng khoán đầu tiên cung cấp các tiện ích trực tuyến trên thị trường Chứng khoán Việt Nam, cung cấp bảng giá trực tuyến (tại website www.vcbs.com.vn) và tiện ích giao dịch Chứng khoán qua mạng Internet (VCBS – Cyber Investor).
- Công ty Chứng khoán tiên phong trong việc khai mở thị trường trái phiếu (đây là thị trường vốn chỉ dành cho các Ngân hàng thương mại trước đó hoạt động), VCBS thực hiện bảo lãnh thành công 1.000 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ.
- Thành lập chi nhánh VCBS tại Thành phố Hồ Chí Minh (VCBS TP.HCM).

Năm 2003

- Tư vấn và bảo lãnh phát hành cổ phiếu có cam kết chắc chắn cho Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (Imexco). Đây là lần đầu tiên một Công ty Chứng khoán thực hiện bảo lãnh phát hành cổ phiếu doanh nghiệp có cam kết chắc chắn trên thị trường Chứng khoán Việt Nam.

Năm 2004:

- Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công 200 tỷ đồng cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần

(TMCP) Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank). Đây là thương vụ bảo lãnh phát hành cổ phiếu được cam kết chắc chắn có giá trị lớn nhất trong 5 năm đầu tiên của thị trường Chứng khoán Việt Nam.

Năm 2005

- Nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính về thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức bán đấu giá cổ phần của Công ty Thiết bị Bưu điện (POSTEF – Mã: POT) qua Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Đây là phiên đấu giá cổ phần đầu tiên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tiền thân của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hiện nay.
- Nhận bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về thành tích góp phần hoàn thành nhiệm vụ năm 2004.
- Nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính về thành tích xây dựng và phát triển thị trường Chứng khoán giai đoạn 2000 – 2005.

Năm 2006

- Thực hiện tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng.
- Nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích trong công tác góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
- Nhận bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân (UBND) Thành phố Hồ Chí Minh về thành tích trong công tác tham gia bảo lãnh phát hành trái phiếu đô thị.
- Nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính về thành tích xuất sắc trong công tác huy động vốn.

Năm 2007

- Tư vấn bán đấu giá phát hành cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), một trong những thương vụ IPO có quy mô lớn nhất tại Việt Nam.
- Bảo lãnh phát hành thành công 400 tỷ đồng trái phiếu của Tổng Công ty Thép và 300 tỷ đồng trái phiếu của Tổng Công ty Sông Đà.
- Thành lập chi nhánh VCBS tại Thành phố Đà Nẵng (VCBS Đà Nẵng).

Năm 2008

- KIỆN TOÀN BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG TRÊN TOÀN HỆ THỐNG VCBS SAU 05 NĂM ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG.
- Thành lập điểm giao dịch của VCBS tại Vietcombank Hải Dương.

Năm 2009

- Thực hiện tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 700 tỷ đồng.
- Một trong những Công ty Chứng khoán đầu tiên được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp phép đạt tiêu chuẩn kết nối với hệ thống giao dịch trực tuyến.
- Nhận giải thưởng “Thương hiệu Chứng khoán uy tín” cho Tổ chức trung gian và hỗ trợ dịch vụ tiêu biểu.
- Nhận giải thưởng Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Năm 2010:

- Thành lập chi nhánh VCBS tại Thành phố Cần Thơ (VCBS Cần Thơ).
- Một trong những Công ty Chứng khoán đầu tiên được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp phép đạt tiêu chuẩn kết nối với hệ thống giao dịch trực tuyến.
- Nhận bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm liên tục.

Năm 2011

- Thành lập chi nhánh VCBS tại Thành phố Vũng Tàu (VCBS Vũng Tàu).
- Công ty Chứng khoán đầu tiên thực hiện nghiệp vụ mua lại và sáp nhập (M&A), với các thương vụ lớn được hoàn thành trong lĩnh vực ngân hàng. Cụ thể:
 1. Sáp nhập Ngân hàng Liên doanh Shinhan Vina và Ngân hàng Shinhan Việt Nam;

2. Hợp nhất 3 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đệ Nhất, Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa và Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Năm 2012

- Nhận bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vì đã đạt “Thành tích xuất sắc trong hoạt động của thị trường trái phiếu thứ cấp năm 2012” tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Tư vấn thành công các thương vụ M&A nổi bật trên thị trường Chứng khoán Việt Nam như:
 1. Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội và Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội;
 2. Công ty cổ phần Thép Việt Ý và Công ty cổ phần Luyện thép Sông Đà.
- Bảo lãnh phát hành thành công 250 tỷ đồng trái phiếu Vinaenco.
- Tư vấn và thu xếp phát hành 250 tỷ đồng trái phiếu BIM Seafood.

Năm 2013

- Một trong những thành viên đứng đầu về thị phần đầu thầu sơ cấp và môi giới giao dịch thứ cấp trên thị trường trong nhiều năm liên tiếp.
- Một trong 10 Công ty Chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công 1.000 tỷ trái phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CIJ); đồng tư vấn phát hành thành công 5.000 tỷ đồng Trái phiếu Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin).
- Tư vấn thành công các thương vụ M&A: Công ty cổ phần Sông Đà 9 và Công ty cổ phần Sông Đà 91; Công ty cổ phần Someco Sông Đà và Công ty cổ phần Someco Hòa Bình.

Năm 2014

- Một trong bốn Công ty Chứng khoán có thị phần môi giới Trái phiếu và Tín phiếu chiếm trên 10% thị phần giao dịch của toàn thị trường.
- Công ty Chứng khoán duy nhất trên thị trường vinh dự nhận giấy khen do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trao tặng “Thành tích tiêu biểu đối với sự phát triển của thị trường trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2009 – 2014”.
- Phát hành thành công 200 tỷ trái phiếu VCBS.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu có nhiều đóng góp tích cực cho thị trường Chứng khoán giai đoạn 2009 – 2014.
- Một trong 10 Công ty Chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2015

- Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công 9.000 tỷ đồng trái phiếu của Masan Consumer Holdings (MCH) – Công ty con thuộc sở hữu toàn phần của Công ty cổ phần Tập đoàn Masan.
- Tư vấn phát hành thành công 2.300 tỷ đồng trái phiếu của Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Vinpearl Nha Trang – Công ty thuộc Tập đoàn Vingroup.
- Chính thức triển khai cung cấp hệ thống giao dịch trực tuyến VCBS Trading hoàn toàn mới trên các phân hệ Home Trading; Web Trading; Mobile Trading và App Trading thành công.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trao tặng VCBS kỷ niệm chương “Một trong năm Công ty Chứng khoán tiêu biểu trong việc thực hiện nghiệp vụ tư vấn niêm yết và đấu giá năm 2015”.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu có nhiều đóng góp tích cực cho thị trường Chứng khoán giai đoạn 2005 – 2015.
- Phát hành thành công 300 tỷ trái phiếu VCBS.
- Thành lập Phòng giao dịch Giảng Võ và Văn phòng đại diện Hải Phòng.

Năm 2016

- Tư vấn và đại lý phát hành thành công 8.000 tỷ trái phiếu Vietcombank.
- Nhận bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính vì “Đã có thành tích xuất sắc và đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội”.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu giai đoạn 2015 – 2016.
- Thành lập Văn phòng đại diện Bình Dương.

Năm 2017

- Thực hiện tăng vốn điều lệ từ 700 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng.
- Đại lý đầu giá duy nhất được nhà đầu tư lựa chọn trong thương vụ thoái vốn nhà nước tại Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SAB) với tổng giá trị giao dịch thông qua VCBS là khoảng 110.000 tỷ đồng.
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán tiền, chứng khoán năm 2017.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu năm 2017.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu thị trường trái phiếu Chính phủ năm 2017.

Năm 2018

- Đại lý đầu giá thành công thương vụ thoái vốn Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VCG) với tổng giá trị 7.366 tỷ đồng.
- Tư vấn nhà đầu tư nước ngoài thực hiện M&A thành công trong các thương vụ mua cổ phần tại: Tập đoàn Dệt may Việt Nam (10%), Công ty cổ phần Thép Việt Ý (45%), Công ty cổ phần Tập đoàn PAN (8,97%).
- Là thành viên thứ chín trên thị trường chính thức cung cấp sản phẩm Chứng khoán phái sinh.
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2018 và thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch Chứng khoán cơ sở năm 2018.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu năm 2017 – 2018.

Năm 2019

- Đứng đầu thị phần môi giới giao dịch Trái phiếu Chính phủ.
- Đứng thứ hai thị phần môi giới Trái phiếu Doanh nghiệp.
- Đứng thứ hai thị phần đầu thầu giao dịch Trái phiếu Chính phủ.
- Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công hơn 6.000 tỷ đồng trái phiếu cho các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực hoạt động khác nhau, hỗ trợ nguồn vốn trung dài hạn cho doanh nghiệp bên cạnh nguồn vốn tín dụng của ngân hàng.
- Tư vấn và đại lý phát hành thành công 2.550 tỷ đồng trái phiếu được bảo lãnh thanh toán bởi tổ chức danh tiếng CGIF (Credit Guarantee and Investment Facility – Quỹ tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á được S&P đánh giá tín nhiệm hạng AA). Đây là thương vụ có cấu trúc trái phiếu phức tạp và đã thu hút nhiều nhà đầu tư tổ chức lớn, có uy tín trên thị trường vốn.
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký Chứng khoán năm 2019.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu giai đoạn 2018 – 2019.

Năm 2020

- Tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công 2.000 tỷ đồng trái phiếu Công ty cổ phần Ô tô Trường Hải (THACO). Đây là thương vụ phát hành trái phiếu thứ hai trong vòng hai năm liên tiếp (2019 – 2020) mà VCBS tham gia với vai trò đơn vị tư vấn và đại lý phát hành cho THACO – doanh nghiệp số 1 trong lĩnh vực sản xuất lắp ráp ô tô tại Việt Nam.
- Thực hiện đồng bảo lãnh phát hành thành công 2.000 tỷ đồng trái phiếu của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam – TKV, kỳ hạn 5 năm, bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Vietcombank vinh danh VCBS là đơn vị tiêu biểu hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2020.
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký Chứng khoán trong năm 2020.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vinh danh VCBS là Top 3 Công ty Chứng khoán thành viên có thị phần giao dịch trái phiếu lớn nhất năm 2020.

Năm 2021

- Kỷ niệm 20 năm thành lập VCBS.
- VCBS huy động thành công 38 triệu USD từ các định chế tài chính nước ngoài theo cấu trúc hợp vốn (Syndicated).
- Thực hiện tư vấn và đại lý phát hành thành công 4.000 tỷ đồng trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), với mục đích để tăng vốn cấp 2 nhằm bổ sung nguồn vốn hoạt động và đáp ứng nhu cầu cho vay trung dài hạn của Vietcombank phục vụ phát triển kinh tế – xã hội; đồng thời, việc phát hành trái phiếu nhằm nâng cao năng lực tài chính của Vietcombank, đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Thực hiện tư vấn và đại lý phát hành thành công 1.000 tỷ đồng trái phiếu Công ty cổ phần Greenfeed Việt Nam. Trái phiếu có kỳ hạn 7 năm với lãi suất cố định và được Công ty Tài chính Quốc tế – International Finance Corporation (IFC), một thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới – The World Bank Group mua toàn bộ.
- Bộ trưởng Bộ Tài chính tặng bằng khen cho VCBS đã có thành tích trong việc xây dựng và phát triển thị trường Chứng khoán giai đoạn 2018 – 2020.
- Vietcombank vinh danh VCBS là đơn vị tiêu biểu hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2021.

Năm 2022

- Thực hiện tăng vốn điều lệ từ 1.500 tỷ đồng lên 2.500 tỷ đồng.
- Ra mắt tính năng Mở tài khoản Chứng khoán trực tuyến ứng dụng công nghệ eKYC, giúp khách hàng thao tác dễ dàng, tiết kiệm thời gian cũng như hoàn toàn bảo mật.
- Thực hiện tư vấn và đại lý phát hành thành công 1.123.468.046 cổ phiếu của Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần (EVNGENCO3) trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán PGV.
- Thực hiện tư vấn phát hành thành công Trái phiếu xanh trị giá hơn 1.725 tỷ đồng của EVNFinance. Đây là trái phiếu doanh nghiệp đầu tiên được xác định là trái phiếu xanh theo tiêu chuẩn quốc tế, dựa trên nguyên tắc Trái phiếu xanh do ICMA công bố. Đợt phát hành Trái phiếu xanh đã nhận được gói bảo lãnh thanh toán một phần dài hạn từ GuarantCo, với giá trị bảo lãnh 50 triệu USD (tương đương tối đa 1.150 tỷ đồng).
- Ra mắt website mới thân thiện và hiện đại trong việc tra cứu thông tin và giao dịch chứng khoán.
- Thực hiện tư vấn và phân phối thành công trái phiếu của Công ty cổ phần Tập đoàn Masan theo hình thức phát hành riêng lẻ với tổng giá trị 1.700 tỷ đồng, kỳ hạn 5 năm, lãi suất thả nổi. VCBS tham gia giao dịch phát hành trái phiếu với các vai trò Tổ chức tư vấn, Đại lý phát hành trái phiếu, Đại lý đăng ký và quản lý chuyển nhượng, Tổ chức lưu ký và Đại diện chủ sở hữu trái phiếu.

- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam vinh danh Top 10 Công ty Chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất năm 2022

Năm 2023

- Được Tạp chí FinanceAsia vinh danh tại hạng mục giải thưởng Best of the frontier markets (Giao dịch tốt nhất của các thị trường cận biên) thuộc hạng mục Giải thưởng giao dịch Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (Regional Deal Awards – Asia Pacific Awards) trong thương vụ hỗ trợ phát hành trái phiếu xanh của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFinance).
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam vinh danh VCBS là thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch Chứng khoán cơ sở năm 2023.
- Được IJGlobal Awards trao tặng Giải thưởng tiêu biểu nhất năm 2023 của thị trường Châu Á Thái Bình Dương (The IJGlobal Wrap of the Year APAC 2023 Award).
- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) vinh danh VCBS là Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch Chứng khoán phái sinh năm 2023.

Năm 2024

- Thực hiện tư vấn hồ sơ chào bán và làm đại lý phát hành thành công 1.000 tỷ đồng trái phiếu xanh cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đa quốc gia I.D.I (“IDI”), một trong 5 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam. Đây là trái phiếu xanh đầu tiên phát hành bằng đồng nội tệ tại khu vực châu Á bởi doanh nghiệp hoạt động sản xuất bền vững trong ngành thủy hải sản.
- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam vinh danh VCBS là "Thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2024".
- Được Bộ trưởng Bộ Tài chính tặng bằng khen VCBS đã có thành tích xuất sắc, đóng góp cho sự phát triển của thị trường trái phiếu chính phủ trong giai đoạn 2020-2024, góp phần vào sự phát triển của kinh tế – xã hội đất nước.
- Được Tạp chí Kinh tế Việt Nam – VnEconomy vinh danh tại sự kiện “Tin dùng Việt Nam 2024” với sản phẩm “Giải pháp mở tài khoản E-Contract”.
- Đạt Top 10 Công ty Chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu lớn nhất trên cả ba sàn HOSE, HNX và UPCoM.

4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

4.1. Ngành nghề hoạt động

VCBS được cấp phép thực hiện tất cả các nghiệp vụ chứng khoán và kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật. Các loại hình kinh doanh bao gồm:

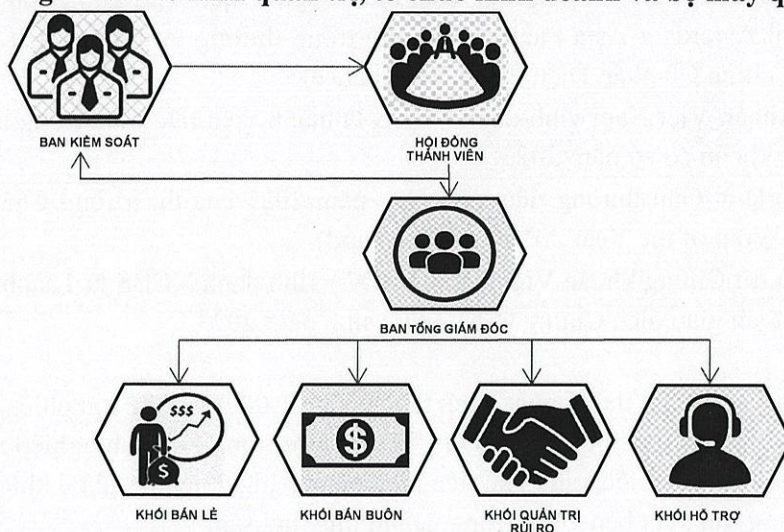
- Môi giới;
- Tự doanh;
- Bảo lãnh phát hành;
- Quản lý danh mục đầu tư;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp;
- Các dịch vụ khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

4.2. Địa bàn kinh doanh

Tính đến 31/12/2024, VCBS hiện có 01 Trụ sở chính tại Thành phố Hà Nội, 02 Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng, 09 Phòng giao dịch tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, 04 Văn phòng đại diện tại Cần Thơ, Đồng Nai, Hải Phòng và Vũng Tàu.

Cùng với đó, VCBS thiết lập và duy trì quan hệ với hệ thống Vietcombank để mở rộng mạng lưới chăm sóc khách hàng trên toàn quốc.

5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



6. Định hướng phát triển

Bám sát định hướng của Ngân hàng mẹ, quán triệt phương châm hành động “Đổi mới, Hiệu quả, Bền vững” với quan điểm chỉ đạo điều hành “Trách nhiệm – Kỷ cương – Kết nối – Sáng tạo”, VCBS sẽ quyết liệt hơn nữa trong việc triển khai các chương trình hành động chuyển đổi, trong đó tập trung (i) đẩy mạnh đầu tư công nghệ thông tin (CNTT) và phát triển các tiện ích trên các kênh số để phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu giao dịch của khách hàng và (ii) thực hiện các chương trình đổi mới sáng tạo nhằm cải tiến và nâng cao hiệu quả vận hành. Không chỉ vậy, Công ty sẽ tận dụng và khai thác triệt để các lợi thế là thành viên của hệ sinh thái Vietcombank, đặc biệt là sự đa dạng về sản phẩm dịch vụ và mạng lưới khách hàng của Ngân hàng mẹ, hướng đến mục tiêu cung cấp cho khách hàng “giải pháp toàn diện” khi khách hàng sử dụng sản phẩm trong hệ sinh thái Vietcombank.

Trong tương lai xa hơn, để nâng cao uy tín và vị thế của VCBS trên thị trường, đa dạng hóa nguồn vốn cũng như gia tăng quy mô vốn của Công ty cũng là một nhiệm vụ chiến lược để VCBS có thể nâng cao năng lực cũng như vị thế của Công ty, đáp ứng nhu cầu giao dịch, đầu tư ngày càng đa dạng của khách hàng và đưa VCBS đến gần hơn với mục tiêu trở thành Ngân hàng đầu tư hàng đầu Việt Nam.

Bên cạnh các mục tiêu phát triển kinh doanh, với tinh thần đặt phát triển bền vững và bảo vệ môi trường làm mục tiêu cốt lõi trong chiến lược phát triển dài hạn của Công ty, VCBS sẽ tiếp tục ưu tiên dành nguồn lực phát triển các công cụ tài chính xanh, góp phần thúc đẩy thị trường trái phiếu xanh Việt Nam và mở ra cơ hội đầu tư bền vững cho các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

7. Các rủi ro và Công tác Quản trị rủi ro

Với mục tiêu trở thành một trong những tổ chức tài chính hàng đầu trên thị trường Chứng khoán biến động, VCBS luôn ưu tiên việc xây dựng một hệ thống Quản trị rủi ro không chỉ đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, mà còn đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về quản lý rủi ro trong lĩnh vực tài chính.

Ngay từ những ngày đầu, nhận thức được sự phức tạp và khó khăn trong việc kiểm soát rủi ro trên thị trường tài chính, Công ty đã tập trung bổ sung đội ngũ nhân sự có kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cho bộ phận Quản trị rủi ro. Tất cả các cán bộ chuyên trách đều được đào tạo bài bản, có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong thị trường tài chính, và liên tục nâng cao kiến thức qua các khóa đào tạo trong và ngoài nước về quản lý rủi ro.

Để đảm bảo mọi đơn vị và cán bộ trong Công ty tham gia vào công tác kiểm soát rủi ro, VCBS áp dụng mô hình Quản trị rủi ro với ba tầng bảo vệ độc lập. Mỗi tầng bảo vệ bao gồm các bộ phận khác nhau, với nhiệm vụ riêng nhưng hỗ trợ nhau trong việc xây dựng một hệ thống Quản trị rủi ro hiệu quả, cụ thể:

- Tầng bảo vệ thứ nhất: Bao gồm các đơn vị thuộc Khối kinh doanh và Khối hỗ trợ, nơi trực tiếp phát sinh rủi ro, có nhiệm vụ thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro trong hoạt động hàng ngày;
- Tầng bảo vệ thứ hai: Bao gồm các bộ phận quản lý rủi ro độc lập như Bộ phận Quản trị rủi ro, Bộ phận Tuân thủ, có nhiệm vụ phát triển, duy trì và giám sát toàn bộ hoạt động quản lý rủi ro của Công ty;
- Tầng bảo vệ thứ ba: Bao gồm các bộ phận kiểm toán nội bộ, giám sát độc lập, thực hiện giám sát nhằm đảm bảo tính tuân thủ đối với các chiến lược, chính sách và quy định quản trị rủi ro của Công ty.

Quá trình Quản trị rủi ro của VCBS hiện nay được thực hiện theo một chu trình chuẩn với 05 bước: (i) Nhận diện rủi ro, (ii) Đo lường và đánh giá rủi ro, (iii) Xác định hạn mức rủi ro, (iv) Giám sát rủi ro, và (v) Xử lý rủi ro.

Trong năm 2024, VCBS tiếp tục duy trì khẩu vị rủi ro thận trọng, tập trung vào việc nâng cao công tác nhận diện và phòng tránh rủi ro, đồng thời hoàn thiện hệ thống Quản trị rủi ro nội bộ để phù hợp với quy mô và yêu cầu phát triển của Công ty.

Các hoạt động chính bao gồm:

- Quản lý rủi ro hoạt động: Hoàn thiện hệ thống văn bản, chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro; tổ chức hội thảo tự rà soát rủi ro; đào tạo nâng cao nhận thức cho cán bộ; giám sát rủi ro qua hệ thống chỉ số rủi ro chính; đánh giá rủi ro trước khi ban hành hoặc sửa đổi quy trình và sản phẩm;
- Quản lý rủi ro thị trường: Ứng dụng mô hình định lượng như VaR để đánh giá rủi ro và Stress Testing để dự báo tổn thất tiềm ẩn; phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban trong quá trình đầu tư; tuân thủ nghiêm ngặt các hạn mức rủi ro;
- Quản lý rủi ro thanh toán: Áp dụng quy trình kiểm soát chặt chẽ đối với hoạt động cho vay ký quỹ; xây dựng danh mục cổ phiếu cho vay dựa trên quy định và khẩu vị rủi ro; duy trì hệ thống hạn mức để kiểm soát dư nợ và kịp thời xử lý rủi ro;
- Quản lý rủi ro thanh khoản: Dự báo và kiểm soát thanh khoản hàng ngày, xây dựng công cụ đo lường và phương án dự phòng nguồn vốn; đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính đạt 509% vào cuối năm 2024, cao hơn nhiều so với mức quy định 180%;
- Quản lý rủi ro pháp lý: Thường xuyên cập nhật và phổ biến các văn bản pháp luật mới, tích hợp vào quy trình hoạt động để giảm thiểu rủi ro pháp lý phát sinh.

Năm 2025, VCBS tiếp tục đẩy mạnh và hoàn thiện chiến lược quản trị rủi ro với mục tiêu trở thành một trong những Công ty Chứng khoán hàng đầu về quản lý rủi ro hiệu quả và bền vững. Các trọng tâm chính trong năm 2025 bao gồm:

- Nâng cao năng lực nhận diện và đánh giá rủi ro: VCBS sẽ tiếp tục đầu tư vào công nghệ và hệ thống phân tích dữ liệu tiên tiến để nhận diện sớm các rủi ro tiềm ẩn, từ rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán đến rủi ro hoạt động. Các mô hình dự báo và cảnh báo sớm rủi ro sẽ được nghiên cứu cải tiến để phản ứng nhanh chóng với các biến động của thị trường tài chính toàn cầu và trong nước;
- Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro nội bộ: VCBS sẽ tiếp tục tối ưu hóa quy trình quản lý rủi ro, đảm bảo hệ thống này không chỉ đáp ứng các yêu cầu pháp lý mà còn phù hợp với quy mô và chiến lược phát triển của Công ty. Các quy định nội bộ sẽ được cập nhật thường xuyên để phản ánh những thay đổi của môi trường kinh doanh và quy định pháp luật;
- Từng bước triển khai quản lý rủi ro ESG: Trong bối cảnh các yếu tố ESG ngày càng được quan tâm, VCBS dự kiến sẽ tích hợp các tiêu chí ESG vào quy trình quản trị rủi ro. Điều này bao gồm việc đánh giá rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu, trách nhiệm xã hội và quản trị doanh nghiệp, nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh bền vững và có trách nhiệm;
- Đào tạo và nâng cao nhận thức về rủi ro: VCBS sẽ tập trung vào việc đào tạo nâng cao năng lực quản trị rủi ro cho đội ngũ nhân viên, đảm bảo mọi cán bộ nhân viên đều có nhận thức đầy đủ về các loại rủi ro và cách thức phòng ngừa. Các chương trình đào tạo được thiết kế bài bản, kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn;

- Tăng cường hợp tác: VCBS sẽ chủ động hợp tác với các tổ chức tài chính, cơ quan quản lý và đối tác quốc tế để chia sẻ kinh nghiệm và cập nhật các xu hướng quản trị rủi ro mới nhất. Điều này giúp Công ty nắm bắt kịp thời các thách thức và cơ hội trong môi trường kinh doanh toàn cầu;
- Ứng dụng công nghệ trong quản trị rủi ro: Năm 2025, VCBS sẽ tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào quy trình quản lý rủi ro. Điều này giúp tăng cường độ chính xác và hiệu quả trong việc dự báo và xử lý rủi ro.

Với định hướng quản trị rủi ro năm 2025, VCBS không chỉ tập trung vào việc bảo vệ tài sản và lợi ích của khách hàng mà còn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh trong ngành tài chính. Chiến lược này phản ánh tầm nhìn dài hạn và cam kết của VCBS trong việc xây dựng một hệ thống quản trị rủi ro toàn diện, hiện đại và hiệu quả.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2024

1. Tổng quan về kinh tế và thị trường Chứng khoán Việt Nam năm 2024

1.1. Bối cảnh vĩ mô

Năm 2024, tăng trưởng kinh tế trong năm nửa đầu năm ghi nhận tốc độ tăng trưởng chậm rãi, đặc biệt tại khu vực động lực tăng trưởng truyền thống công nghiệp chế biến-chế tạo, sức hấp thụ vốn của nền kinh tế cũng khá yếu. Tuy nhiên, nền kinh tế dần khởi sắc từ giữa năm, các hoạt động sản xuất công nghiệp dần phục hồi. Điểm sáng trong năm nay đặc biệt đến từ khu vực dịch vụ với trọng tâm là hoạt động du lịch, lưu trú, lữ hành. Theo đó, GDP năm 2024 của cả nền kinh tế đạt 7,09% so với năm trước.

Trong bối cảnh lạm phát tiếp tục nằm trong sự kiểm soát và hướng tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế, lãi suất cho vay được duy trì ở mặt bằng thấp, nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp vừa, nhỏ và người dân trong việc tiếp cận vốn ưu đãi. Trong khi đó, đối với lãi suất huy động: sau khi giảm tới ngưỡng đáy lịch sử vào tháng 4, mặt bằng lãi suất đã nhích tăng trở lại, nhằm đảm bảo sức hấp dẫn VND và đảm bảo hài hòa các cân đối vĩ mô. Trên thị trường ngoại tệ, trước áp lực tỷ giá thường trực, Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã điều hành chính sách tiền tệ theo từng bước nhằm ổn định thị trường ngoại tệ như phát hành tính phiếu, bán USD giao ngay cho các Ngân hàng thương mại (NHTM) có trạng thái âm ngoại tệ. Cuối năm 2024, VND giảm giá khoảng 4.8% so với USD.

1.2. Thị trường Chứng khoán

VN-Index ghi nhận nhịp tăng gần 15% ngay từ đầu năm với lực tăng chủ yếu đến từ nhóm ngành Ngân hàng, trước khi thị trường bước vào nhịp đi ngang biên rộng kể từ đầu Quý 2 tới cuối năm. Với bối cảnh lãi suất trong nước tiếp tục duy trì ở mức thấp và định hướng thúc đẩy mạnh mẽ các chính sách kinh tế nới lỏng, cải cách pháp lý của Chính phủ, chỉ số VN-Index ghi nhận mức chỉ số cao nhất tại 1293.90 trong Quý 1. Từ đầu Quý 2 trở đi, áp lực về tỷ giá và sức ép bán rông mạnh mẽ của khối ngoại cùng sự rút rông của các quỹ ETFs lớn, xen lẫn kỳ vọng hồi phục, tăng trưởng của các nhóm ngành đã tạo nên các đợt tăng, giảm điểm mạnh trên thị trường với biên độ lớn từ 5-10%. Như vậy tính tới cuối năm 2024, chỉ số VN-Index đạt 1266.78 điểm, với xu hướng phục hồi dần về cuối năm và ghi nhận mức tăng 12.11% so với thời điểm cuối năm 2023.

Trong năm 2024, thanh khoản trung bình mỗi phiên ghi nhận có sự gia tăng so với năm 2023. Khối lượng giao trung bình mỗi phiên đạt gần 781,84 triệu cổ phiếu tăng 0,83% so với cùng kỳ năm 2023. Giá trị giao dịch trung bình mỗi phiên cũng tăng 22,4% so với năm 2023 và đạt 18.685 tỷ đồng.

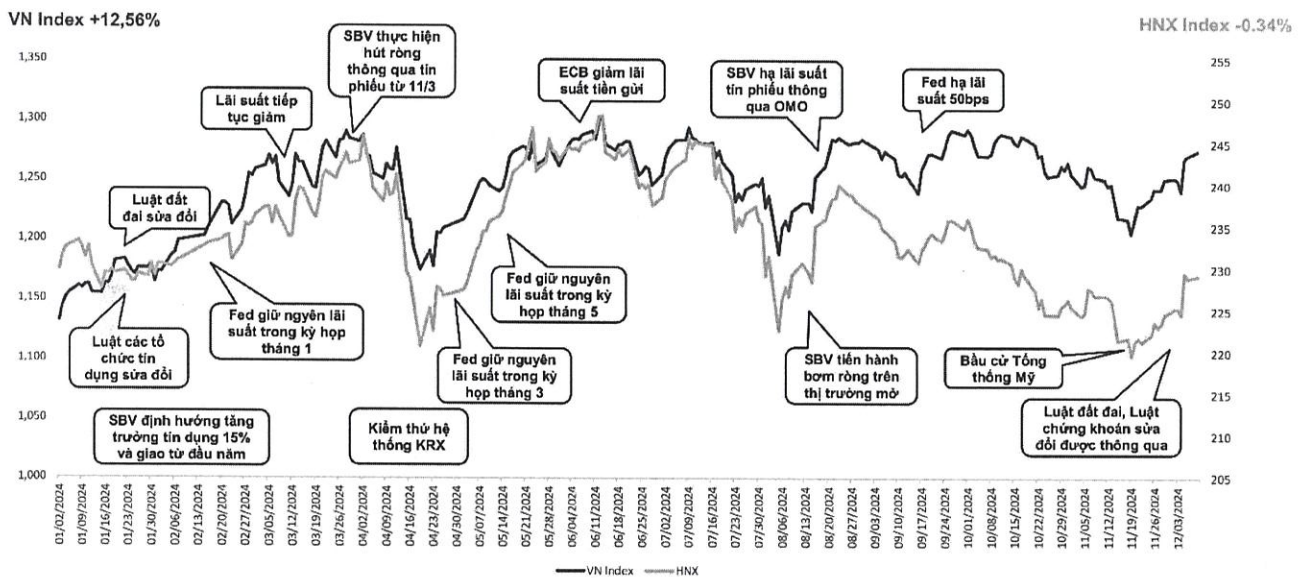
1.3. Bối cảnh và các vấn đề nổi bật trong ngành

Năm 2024, VN-Index ghi nhận vận động đi ngang trong biên rộng và có xu hướng hồi phục, thu hẹp biên điểm số dần về cuối năm. Nhóm cổ phiếu Ngân hàng và Công nghệ đóng vai trò thu hút dòng tiền quay trở lại thị trường trong các nhịp tăng điểm, trong khi Bất động sản gần như không tăng trưởng. Nguyên nhân chính khiến chỉ số chung khó tạo xu hướng tăng mạnh mẽ xuyên suốt năm đến từ sức ép tỷ giá và lực bán rông mạnh của nhà đầu tư nước ngoài. Dòng tiền của nhà đầu tư trong nước hấp thụ toàn bộ lực cung của khối ngoại và có xu hướng gia tăng về cuối năm trước những kỳ vọng về các chính sách cải cách pháp lý và diễn biến lạm phát hạ nhiệt ở thị trường quốc tế. Số lượng tài khoản mở mới tăng mạnh nhất trong tháng 7 và tháng

8 khi chỉ số chung tiệm cận vùng đỉnh gần 1300 và hồi phục từ đáy trung hạn đầu tháng 8. Tuy nhiên những tháng cuối năm ghi nhận sự sụt giảm về số lượng tài khoản và thanh khoản giao dịch trung bình phiên khi dòng tiền bị hấp dẫn sang các kênh đầu tư khác như vàng và tiền ảo khi hai thị trường này liên tục lập đỉnh mới.

Năm 2024 ghi nhận nhiều diễn biến trái chiều trong hoạt động kinh doanh của các Công ty Chứng khoán. Với thanh khoản giao dịch trung bình mỗi phiên vào khoảng 18 nghìn tỷ đồng/phiên, thị phần môi giới các Công ty Chứng khoán bán lẻ đa phần ghi nhận tụt lùi so với các công ty bán buôn. Biên lợi nhuận mảng môi giới nhìn chung thu hẹp so với cùng kỳ. Top 10 thị phần môi giới các Công ty Chứng khoán không có nhiều sự thay đổi. Bên cạnh đó, dư nợ margin cũng ghi nhận sụt giảm nhưng không giảm mạnh như thanh khoản giao dịch trên thị trường (mức độ tương quan khoảng 61%). Về mảng đầu tư, các Công ty Chứng khoán đa phần giảm tỷ trọng cổ phiếu và gia tăng mạnh tỷ trọng vào Chứng chỉ tiền gửi và Trái phiếu. Chiến lược này cho thấy sự hiệu quả hơn do các tài sản an toàn có thể lấy làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay, từ đó gia tăng nguồn vốn cho vay margin rất tốt. Danh mục đầu tư cổ phiếu cũng tập trung trong VN30 với các doanh nghiệp tăng trưởng tốt và an toàn trong bối cảnh thị trường thiếu vắng cơ hội và dòng tiền yếu.

Điểm nhấn thị trường cổ phiếu



2. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024

Kết thúc năm 2024, mặc dù thị trường Chứng khoán gặp nhiều biến động tiêu cực, dưới sự chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo Vietcombank và VCBS cùng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, Công ty đã đạt được các kết quả kinh doanh tốt so với các công ty cùng quy mô. Cụ thể, về doanh thu, VCBS đạt 1.519,7 tỷ đồng với tổng lợi nhuận trước thuế đạt 633,76 tỷ đồng, trong đó phần lớn các mảng kinh doanh đều có sự tăng trưởng so với cùng kỳ. Chỉ số ROAE tiếp tục duy trì ở mức cao, tương đương 12,0% so với mức 9,35% bình quân toàn ngành.

3. Tổ chức và nhân sự

3.1. Danh sách Nhân sự cấp cao của Công ty và những thay đổi trong năm 2024

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Thành viên Hội đồng quản trị Vietcombank Chủ tịch Hội đồng thành viên
Bà Hoàng Diễm Thùy	Thành viên Hội đồng thành viên
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Giám đốc
Ông Lưu Tuấn Linh	Thành viên Hội đồng thành viên

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
Ông Trần Việt Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Thanh Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thúy Quỳnh	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Ngọc Trâm	Kế toán trưởng

3.2. Giới thiệu Hội đồng Thành viên

3.2.1. BÀ NGUYỄN THỊ KIM OANH – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh hiện đang đảm nhiệm các chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị Vietcombank, Chủ tịch Hội đồng thành viên VCBS. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh là Cử nhân kinh tế – Đại học Kinh tế quốc dân, Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng tại Trường Đại học New South Wales, Úc.

3.2.2. BÀ HOÀNG DIỄM THÙY – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Bà Hoàng Diễm Thùy hiện đang đảm nhiệm các chức vụ: Giám đốc Ban Giao dịch thị trường tài chính toàn cầu – Trụ sở chính Vietcombank, Thành viên Hội đồng thành viên VCBS. Bà Hoàng Diễm Thùy nhận bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA) do Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Trung tâm Pháp – Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG) tổ chức.

3.2.3. ÔNG LÊ MẠNH HÙNG – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN – TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Lê Mạnh Hùng bắt đầu công tác tại VCBS từ năm 2007. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, ông Lê Mạnh Hùng từng giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư cổ phiếu, Phó Giám đốc VCBS trước khi được bổ nhiệm vào các vị trí Giám đốc/Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng thành viên VCBS. Ông Lê Mạnh Hùng nhận bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA) chuyên ngành Tài chính tại Trường Đại học bang California – East Bay, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.

3.2.4. ÔNG LƯU TUẤN LINH – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Ông Lưu Tuấn Linh bắt đầu công tác tại Vietcombank từ năm 2006. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh ngoại tệ, kinh doanh vốn và chiến lược tại Trụ sở chính Vietcombank, Ông Lưu Tuấn Linh từng giữ chức vụ Trưởng phòng Kinh doanh vốn, Trưởng Ban Chiến lược và Thư ký tổng hợp Vietcombank trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Thành viên Hội đồng thành viên VCBS. Ông Lưu Tuấn Linh nhận bằng Tiến sĩ Kinh tế tại Học viện Ngân hàng.

3.3. Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

3.3.1. ÔNG LÊ MẠNH HÙNG – TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Lê Mạnh Hùng bắt đầu công tác tại VCBS từ năm 2007. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, ông Lê Mạnh Hùng từng giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư cổ phiếu, Phó Giám đốc VCBS trước khi được bổ nhiệm vào các vị trí Giám đốc/Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng thành viên VCBS. Ông Lê Mạnh Hùng nhận bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA) chuyên ngành Tài chính tại Trường Đại học bang California – East Bay, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.

3.3.2. ÔNG TRẦN VIỆT HÙNG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Trần Việt Hưng bắt đầu công tác tại Vietcombank từ năm 2006. Ông Trần Việt Hưng từng giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Quản lý Tài sản nợ – Tài sản có Trụ sở chính Vietcombank, Trưởng phòng Kinh doanh vốn & Trái phiếu VCBS trước khi được bổ nhiệm vị trí Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc VCBS năm 2017. Ông Trần Việt Hưng nhận bằng Cử nhân ngành Kinh tế đối ngoại tại Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội.

3.3.3. ÔNG LÊ VIỆT HÀ – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Lê Việt Hà bắt đầu công tác tại Vietcombank từ năm 1994 và từng giữ nhiều chức vụ chủ chốt trong đội ngũ quản lý của VCBS trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc VCBS.

Ông Lê Việt Hà tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng của Học viện Ngân hàng và nhận bằng Cử nhân Luật tại Trường Đại học Luật Hà Nội.

3.3.4. ÔNG ĐỖ THANH PHONG – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Đỗ Thanh Phong bắt đầu công tác tại VCBS từ năm 2012. Ông Đỗ Thanh Phong có nhiều năm giữ chức vụ Trưởng phòng Quản trị rủi ro, Trưởng phòng Đầu tư trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc VCBS. Ông Đỗ Thanh Phong nhận bằng Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh (MBA) tại Trường Đại học La Trobe, Úc.

3.3.5. ÔNG PHAN MINH – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ông Phan Minh có nhiều năm công tác tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) và giữ chức vụ Trưởng phòng Công nghệ thông tin Công ty BSC trước khi được tuyển dụng và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc VCBS kể từ năm 2022. Ông Phan Minh nhận bằng Thạc sỹ chuyên ngành Công nghệ thông tin tại Trường Đại học Ritsumeikan, Nhật Bản.

3.3.6. BÀ NGUYỄN THÚY QUỲNH – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thúy Quỳnh bắt đầu công tác tại VCBS từ năm 2002, từng giữ một số vị trí chủ chốt trong đội ngũ quản lý của VCBS trước khi được bổ nhiệm vào vị trí Trưởng Ban Kiểm soát VCBS. Bà Nguyễn Thúy Quỳnh tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

3.3.7. BÀ LÊ THỊ NGỌC TRÂM – KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Lê Thị Ngọc Trâm bắt đầu công tác tại VCBS từ năm 2007, từng giữ các vị trí chủ chốt trong đội ngũ quản lý của VCBS trước khi bổ nhiệm vào vị trí Kế toán trưởng. Bà Lê Thị Ngọc Trâm tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

3.4. Người lao động

Tổng số lao động của VCBS tính đến 31/12/2024 là 386 người. Với phương châm con người là tài sản quý nhất trong hoạt động kinh doanh, VCBS luôn chú trọng việc đầu tư và phát triển nguồn nhân lực, đây là chìa khóa đem lại thành công và hiệu quả của Công ty.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2024, Công ty vẫn duy trì chính sách đầu tư tài chính an toàn và hiệu quả như đầu tư vào các Trái phiếu chính phủ, Trái phiếu, Chứng chỉ tiền gửi, Hợp đồng tiền gửi của các tổ chức tài chính uy tín,...

5. Tình hình tài chính

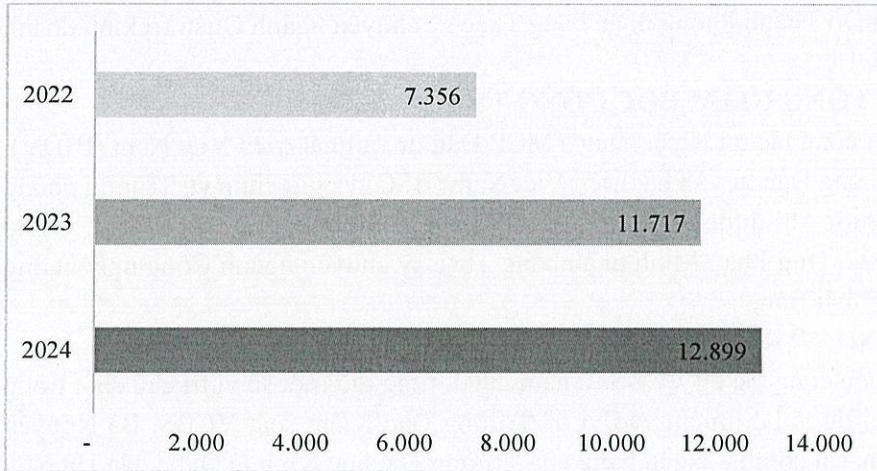
Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	2023	2024	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	11.716.866.410.834	12.899.387.054.917	10%
Doanh thu thuần	1.351.414.173.935	1.503.623.175.078	11%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	606.791.352.520	632.733.529.234	4%
Lợi nhuận khác	774.462.434	1.026.633.397	33%
Lợi nhuận trước thuế	607.565.814.954	633.760.162.631	4%
- Lợi nhuận đã thực hiện	515.212.829.085	652.503.871.064	27%
- Lợi nhuận chưa thực hiện	92.352.985.869	-1.290.905.429	
Lợi nhuận sau thuế	487.776.268.888	508.007.609.964	4%

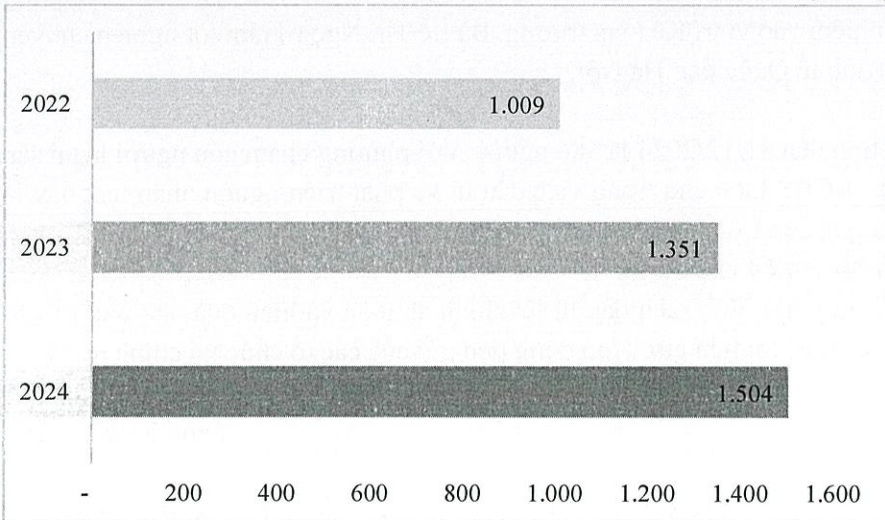
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN

Đơn vị tính: Tỷ đồng



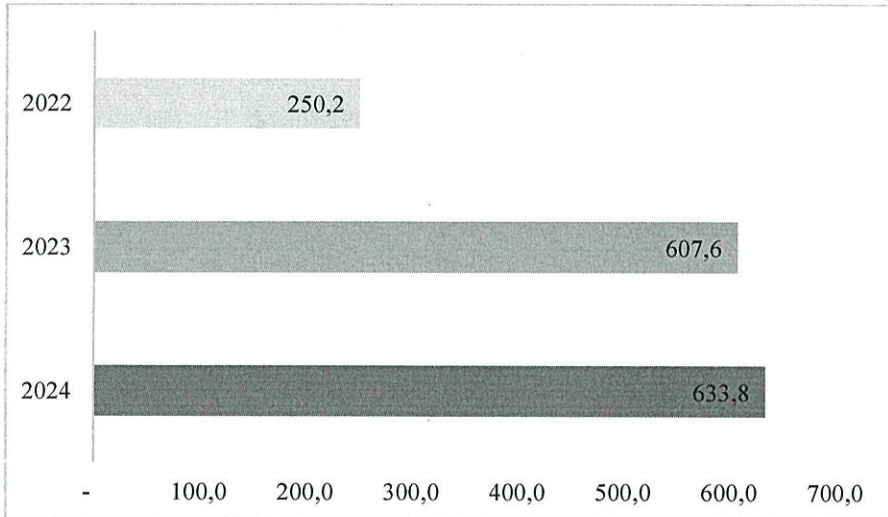
DOANH THU THUẦN

Đơn vị tính: Tỷ đồng



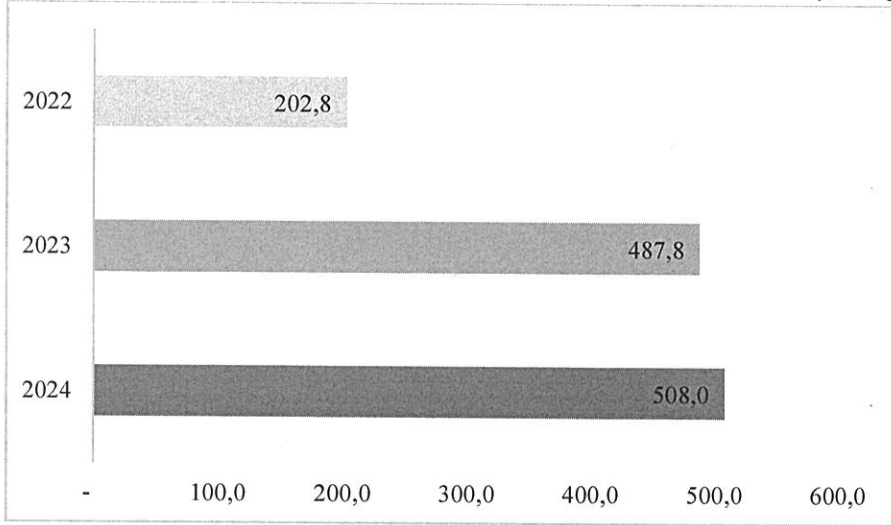
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Đơn vị tính: Tỷ đồng



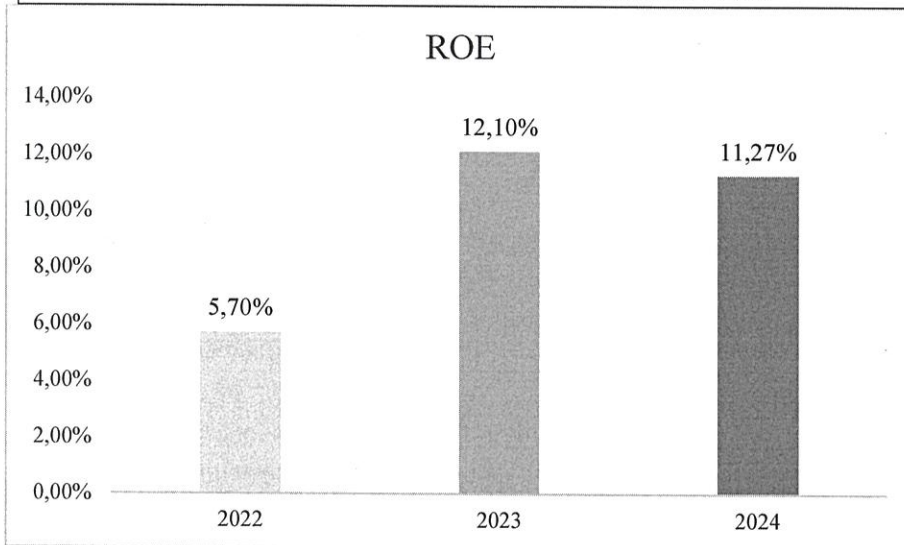
LỢI NHUẬN SAU THUẾ

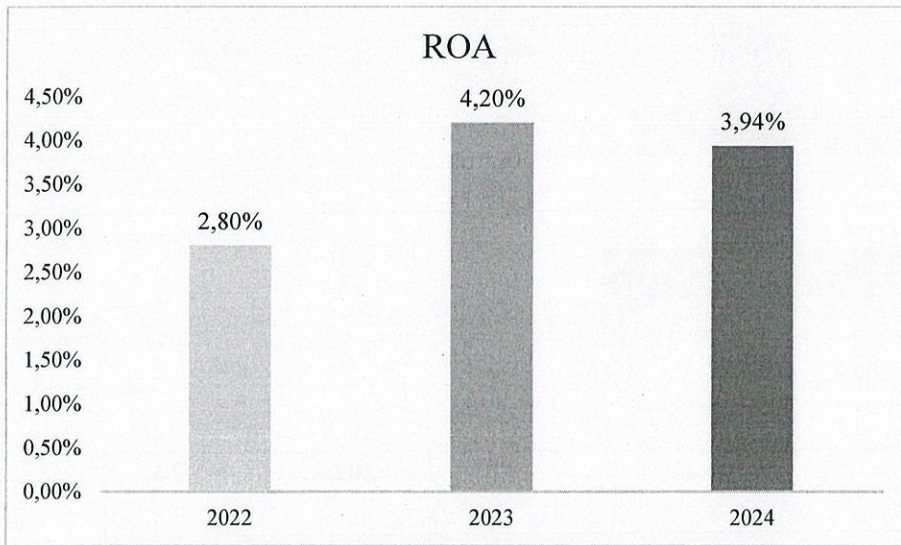
Đơn vị tính: Tỷ đồng



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2023	2024
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	150,90%	152,08%
+ Hệ số thanh toán nhanh	150,90%	152,07%
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	65,50%	65,07%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	190,00%	186,26%
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	11,50%	11,66%
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	36,10%	33,79%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	12,10%	11,27%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,20%	3,94%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	44,90%	42,08%





6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

VCBS là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với 100% vốn đầu tư từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Đến cuối năm 2024, vốn điều lệ của VCBS là 2.500 tỷ đồng.

7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

7.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

VCBS luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, chú trọng việc tạo dựng không gian làm việc thân thiện cho người lao động, đề cao xây dựng văn hóa doanh nghiệp xanh, chú trọng thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, có ý thức giữ gìn môi trường làm việc xanh – sạch – đẹp.

7.2. Chính sách liên quan tới người lao động

Trong năm qua, VCBS duy trì chính sách lương, thưởng cạnh tranh, tạo động lực cũng như chế độ đãi ngộ hấp dẫn. Tiền lương chi trả gắn với trình độ chuyên môn, hiệu quả công việc/hiệu quả kinh doanh, được đo lường/đánh giá dựa trên bộ tiêu chí KPIs. Chế độ đãi ngộ ngoài lương có nhiều hình thức như tiền sinh nhật, hiếu, hỉ, nghỉ mát, khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ FWD... Đặc biệt, trong năm 2024, VCBS đã triển khai thêm một số chương trình được người lao động hết sức đồng tình ủng hộ như nghỉ hưởng nguyên lương nhân ngày sinh nhật, nghỉ happy day mỗi tuần 1 tiếng... VCBS cũng dành sự quan tâm đặc biệt tới lao động nữ thông qua các khoản chi hỗ trợ hàng tháng, thai sản, gửi trẻ... Bên cạnh đó, các hoạt động văn hoá, thể thao cho cán bộ, người lao động cũng luôn được chú trọng như các sự kiện được tổ chức vào các ngày lễ trong năm (08/03, 01/06, 20/10, Trung thu...), giải chạy bộ, các lớp yoga... nhằm nâng cao sức khỏe, gắn kết tinh thần đoàn kết nội bộ và lan tỏa thông điệp văn hóa VCBS.

Ngoài ra, VCBS là nơi đã và đang tạo dựng được nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên môn được đào tạo bài bản với các chuyên ngành Kinh tế, Tài chính, Ngân hàng, Luật, nhiều nhân sự có các chứng chỉ chuyên sâu uy tín như CPA, ACCA, CFA, CCNA, CCNP và các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán/chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp... Các chuyên gia của VCBS đều có thời gian lâu dài làm việc tại các Ngân hàng đầu tư, Công ty quản lý quỹ, Công ty tư vấn... hàng đầu ở trong và ngoài nước. Năm 2024, VCBS tiếp tục hoàn thiện mô hình hoạt động theo quy chuẩn mô hình Ngân hàng đầu tư quốc tế; đa dạng hóa nguồn thu cho Công ty, cung cấp cho khách hàng nhiều sản phẩm, tiện ích tạo tiền đề để Công ty phát triển bền vững.

Cùng với việc duy trì nguồn lực chất lượng cao, VCBS cũng luôn đóng góp một phần sức lực và tạo cơ hội cho các thế hệ sinh viên trẻ được tiếp cận và trải nghiệm thực tế trong môi trường tài chính chuyên nghiệp, qua đó các bạn sinh viên được trau dồi thêm kiến thức, nâng cao hơn nữa trình độ của bản thân. Trong nhiều năm qua, VCBS là đơn vị đồng tổ chức cũng như là nhà tài trợ cho cuộc thi I-INVEST! do Trường Đại học Ngoại thương tổ chức – một cuộc thi dành cho sinh viên khối kinh tế lớn nhất miền Bắc. Qua các cuộc thi, VCBS cũng đã tiếp nhận các thí sinh vào thực tập và làm việc chính thức tại Công ty. VCBS nhận thấy

rằng cùng với những nền tảng kiến thức được học tập trên ghế nhà trường, sau khi có cơ hội tham gia trải nghiệm trong môi trường công việc thực tế các thí sinh sẽ trở nên tự tin và nhận thức rõ ràng về định hướng nghề nghiệp của mình. Các thế hệ sinh viên trẻ được đào tạo bài bản sẽ trở thành nguồn nhân lực tốt góp phần phát triển ngành chứng khoán trong tương lai.

7.3. Trách nhiệm đối với cộng đồng

Thực hiện theo mục tiêu xuyên suốt của Ngân hàng mẹ – Vietcombank là hướng tới một ngân hàng xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng, hoạt động an sinh xã hội của VCBS không ngừng được đẩy mạnh với nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội.

Uống nước - nhớ nguồn

VCBS thường xuyên tổ chức các chương trình về nguồn kết hợp sinh hoạt chính trị theo chuyên đề. Ngày 05/10/2024, Đảng bộ VCBS đã tổ chức “Hành trình về nguồn năm 2024” tại tỉnh Tây Ninh. Cùng với những hoạt động tưởng niệm tại những địa danh lịch sử, Đoàn cũng đã gặp gỡ và trao 10 phần quà an sinh xã hội thiết thực, nhiều ý nghĩa cho các gia đình chính sách và người có công của Huyện, thể hiện sự tri ân với các gia đình có công trên mảnh đất Tây Ninh. Chương trình “Về nguồn” là hoạt động sinh hoạt chính trị thường niên nhằm tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, khơi dậy tinh thần “Uống nước nhớ nguồn” và niềm tự hào – tự tôn dân tộc cho mỗi cán bộ.

Cùng với đó, VCBS tổ chức thực hiện tri ân các gia đình thương binh liệt sỹ có con em là cán bộ công tác trên toàn hệ thống nhân dịp 27-07; chương trình tặng quà cán bộ nguyên là bộ đội xuất ngũ, chuyển ngành và các cán bộ đã từng tham gia nghĩa vụ quân sự tại địa phương nhân dịp 22-12.

Chung tay vì người nghèo, Cho đi là còn mãi

VCBS cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động an sinh xã hội vì cộng đồng như: hoạt động từ thiện, các chương trình đền ơn đáp nghĩa, hoạt động nhân đạo... đây là một trong những nhiệm vụ thường xuyên và cũng là tiêu chí đánh giá tiêu chuẩn văn hóa kinh doanh tại Công ty. Liên tục duy trì và bồi đắp cho truyền thống văn hóa này, tập thể cán bộ VCBS đã chung tay hưởng ứng các chương trình năm 2024 như: “Vietcombank chung tay vì người nghèo – không ai bị bỏ lại phía sau”; Ủng hộ đóng góp tổ chức các hoạt động An sinh – Xã hội chào mừng kỷ niệm 70 năm Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và các sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước; Thực hiện dự án tài trợ tuyến đèn đường “Ánh sáng biên cương” tại ấp Quyết Thành, xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước; Tài trợ tuyến đường kiểu mẫu “Sáng-Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn” tại xã biên giới thuộc huyện Đức Huệ, tỉnh Long An; Dự án lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời tại xã Đại Sơn, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Chung tay xây dựng 2 Phòng học cho trường tiểu học ở xã Hữu Kiên, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; Hỗ trợ khắc phục hậu quả do cơn bão số 3 gây ra: triển khai tại xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai, tỉnh Tuyên Quang; Tài trợ 50 phần quà (tổng trị giá 50 triệu đồng) cho 50 em có hoàn cảnh khó khăn vượt lên trong học tập của các em miền núi thuộc Trường tiểu học và trung học cơ sở Thượng Hóa – Quảng Bình.

Đối với lĩnh vực y tế

Năm 2024, tập thể VCBS đã thực hiện chương trình thiện nguyện tại Bệnh viện Trung ương Quân đội (TWQĐ) 108 nhân dịp Tết Thiếu nhi 01/06; Triển khai Dự án mô hình “Tiếp sức người bệnh” tại Bệnh viện TWQĐ 108, VCBS thực hiện tài trợ chi phí làm tu thuốc, vật dụng, góc thư giãn cho bệnh nhân ung thư tại tầng hầm khoa Ung thư của bệnh viện; Tài trợ giường chuyên dụng cho Bệnh viện sản nhi tỉnh Sóc Trăng; Tổ chức chương trình Hiến máu tình nguyện tại VCBS.

III. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024

1.1. Khách hàng Tổ chức

1.1.1. Thành tựu tiêu biểu trong năm 2024

- Năm trong nhóm có thị phần trên 10%, top 2 thị phần đầu thầu giao dịch Trái phiếu Chính Phủ.
- Năm trong nhóm có thị phần trên 10%, top 3 thị phần môi giới giao dịch Trái phiếu Chính Phủ.

- Nhận Bằng Khen của Bộ trưởng Bộ Tài Chính vì “**Đã có thành tích đóng góp cho sự phát triển của thị trường Trái phiếu Chính phủ trong giao đoạn 2020 – 2024, góp phần vào sự phát triển Kinh tế – Xã hội của đất nước**”.
- Góp phần hỗ trợ kết nối các thương vụ mua bán sáp nhập (M&A) với tổng giá trị giao dịch hơn 6 triệu USD.

1.1.2. Giới thiệu về bộ phận Khách hàng Tổ chức

Bộ phận Khách hàng Tổ chức VCBS kiên định với cam kết cung cấp dịch vụ tài chính chuyên nghiệp, đồng thời luôn nỗ lực tối đa trong việc mở rộng mạng lưới, chăm sóc và hỗ trợ khách hàng. Với phương châm đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu, đội ngũ nhân sự Khách hàng Tổ chức VCBS luôn tạo ấn tượng sâu sắc bằng phong cách làm việc nhiệt huyết, tận tâm và tuân thủ nghiêm ngặt chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

Năm 2024 chứng kiến nhiều biến động khó lường của thị trường tài chính toàn cầu, với những tác động mạnh mẽ từ thị trường quốc tế do xung đột địa chính trị phức tạp và chính sách thắt chặt tiền tệ của các nền kinh tế lớn. Thị trường Chứng khoán Việt Nam vẫn duy trì sức hấp dẫn đối với dòng vốn đầu tư, đặc biệt là từ nhà đầu tư trong nước, tuy nhiên, năm 2024 chứng kiến làn sóng bán ròng mạnh mẽ từ nhà đầu tư nước ngoài, gây áp lực lên thị trường. Bộ phận Khách hàng Tổ chức VCBS đã thể hiện sự kiên cường và khả năng thích ứng tuyệt vời, duy trì và củng cố niềm tin của khách hàng thông qua các dịch vụ và hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả như:

- Kiến tạo cơ hội đầu tư vượt trội, kết nối các doanh nghiệp tiềm năng với mạng lưới định chế tài chính hùng mạnh trong và ngoài nước thông qua các sự kiện được tổ chức định kỳ hàng quý, đồng thời linh hoạt theo theo yêu cầu đặc biệt từ khách hàng;
- Tổ chức các buổi thuyết trình chuyên sâu về cơ hội đầu tư và vĩ mô, định kỳ 6 tháng một lần, dành riêng cho các tổ chức đầu tư hàng đầu tại thị trường Việt Nam và trên thế giới: Dragon Capital, VinaCapital, Public Mutual Berhad, VNHoldings, VFM, Bao Viet Fund, Manulife AM, Citibank, Standard Chartered Bank, HSBC, Deutsche Bank, EIB, OCB, Saigon Bank, Prudential, Manulife, AIA, Generali Life, FWD Life, Hanwha Life...;
- Cung cấp các dịch vụ liên quan đến cổ phiếu khác như: Bản tin đầu ngày; Dịch vụ tư vấn giao dịch ngoài sàn, kiến tạo và trao đổi block deal theo nhu cầu của nhà đầu tư;
- Cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến trái phiếu: Bản tin thị trường, Phân phối trái phiếu doanh nghiệp, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, dịch vụ đại diện người sở hữu trái phiếu (BHA), phong tỏa tài khoản, ...;
- Tư vấn và hỗ trợ thực hiện các giao dịch liên quan đến mua bán, sáp nhập, huy động vốn qua thị trường vốn, ...

Với mục tiêu chiến lược là mở rộng mạng lưới khách hàng và nâng tầm vị thế thương hiệu VCBS, năm 2024, Bộ phận Khách hàng Tổ chức VCBS đã chủ động tham gia các sự kiện như “Hội nghị tổng kết 15 năm hoạt động và phát triển thị trường trái phiếu Chính phủ” do Bộ Tài chính tổ chức, “Hội thảo Mùa thu 2024: Triển vọng thị trường 2025” do VIRA tổ chức, “Hội thảo Interbank Offsite 2024: Thị trường tín chỉ carbon – AI & Tài sản số – Trái phiếu doanh nghiệp – Triển vọng thị trường” do VBMA tổ chức, nơi VCBS khẳng định năng lực và uy tín. Song song đó, Bộ phận Khách hàng Tổ chức VCBS không ngừng đầu tư vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ, thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu về kỹ năng và nghiệp vụ, nhằm tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng và mở rộng thị phần giao dịch.

1.2. Khách hàng doanh nghiệp

1.2.1. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp năm 2024 tại VCBS

Năm 2024, thị trường tài chính Việt Nam nói chung và mảng hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp nói riêng tiếp tục được đánh giá là còn bị ảnh hưởng nhiều bởi sự siết chặt các quy định, chính sách từ cơ quan quản lý, niềm tin của nhà đầu tư bị sụt giảm...tuy vậy cũng đã có dấu hiệu khởi sắc trở lại. So với nền đáy

năm 2023, hoạt động tài chính doanh nghiệp của VCBS năm 2024 đã được cải thiện đáng kể và tăng trưởng đáng ghi nhận với số lượng giao dịch thành công cả về chất lượng và số lượng. Cụ thể:

- Đối với dịch vụ Tư vấn hồ sơ chào bán và phân phối trái phiếu doanh nghiệp, trong năm 2024 việc thu xếp thành công nhiều giao dịch phát hành trái phiếu với khối lượng lớn, sản phẩm đa dạng đã tiếp tục khẳng định năng lực, vị thế của VCBS trên thị trường trong việc cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư, là người đồng hành của doanh nghiệp trong việc tìm kiếm và thu xếp các nguồn vốn trung và dài hạn với lãi suất cạnh tranh nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh của khách hàng. Đối với các nhà đầu tư, VCBS tiếp tục là một thương hiệu tin cậy để giới thiệu các cơ hội đầu tư chất lượng, hiệu quả và chuyên nghiệp.
- Về hoạt động tư vấn tài chính truyền thống (Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp; Tư vấn chào bán cổ phiếu; Tư vấn niêm yết...): VCBS vẫn nỗ lực không ngừng mở rộng vị thế với các nghiệp vụ tư vấn truyền thống, vốn vẫn là thế mạnh của Công ty nhằm cung cấp một dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp đầy đủ và đa dạng khi khách hàng có nhu cầu. Một số giao dịch tiêu biểu VCBS đã triển khai thành công trong năm 2024 bao gồm: Tư vấn chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và tư vấn niêm yết bổ sung cổ phiếu thành công giá trị 823 tỷ đồng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả (HHV); Tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt; Tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và tư vấn phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho Công ty Cổ phần Tập Đoàn Cơ Khí Công Nghệ Cao Siba; Tư vấn phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex...

Thành tựu nổi bật VCBS đạt được:

- Tư vấn hồ sơ chào bán và làm đại lý phát hành thành công 1.000 tỷ đồng trái phiếu xanh cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đa quốc gia I.D.I (“IDI”), một trong 5 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam. Đây là trái phiếu xanh đầu tiên phát hành bằng đồng nội tệ tại khu vực Châu Á bởi doanh nghiệp hoạt động sản xuất bền vững trong ngành thủy hải sản. Trái phiếu tuân thủ nguyên tắc của Hiệp hội Thị trường Vốn Quốc tế (ICMA), có kỳ hạn 8 năm và được GuarantCo bảo lãnh thanh toán. Sau giao dịch trái phiếu xanh cho EVN Finance vào năm 2022, đây là lần hợp tác thứ hai giữa VCBS và GuarantCo để cung cấp giải pháp tài chính xanh cho IDI. Giao dịch cũng minh chứng cho bước tiến lớn trong việc thúc đẩy tài chính xanh tại Việt Nam, hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), bao gồm SDG 14 về bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, tài nguyên biển.
- Tư vấn chào bán và đại lý phân phối thành công 650 tỷ đồng trái phiếu ra công chúng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú – Invest (VPI). Trái phiếu có kỳ hạn 36 tháng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có tài sản bảo đảm. Cũng đồng thời trong năm, VCBS tiếp tục thực hiện tư vấn hồ sơ chào bán và đại lý phát hành thành công 150 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ kỳ hạn 24 tháng cho VPI, nâng tổng giá trị phát hành thành công năm 2024 cho VPI lên 800 tỷ đồng.
- Tư vấn chào bán và đại lý phân phối thành công 1.000 tỷ đồng trái phiếu do Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển (PGBank) phát hành.
- Tư vấn chào bán và đại lý phát hành thành công 200 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (GEG). Trái phiếu có kỳ hạn 3 năm, lãi suất cố định kết hợp thả nổi, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có tài sản bảo đảm.

1.2.2. Các dịch vụ tư vấn VCBS cung cấp cho doanh nghiệp

Với hơn 23 năm thành lập, đồng hành cùng thị trường Chứng khoán ngay từ những ngày đầu và kế thừa nền tảng tài chính vững mạnh, mạng lưới khách hàng từ Ngân hàng mẹ – Vietcombank, VCBS đã nhận được sự tin tưởng và đánh giá cao từ các Tập đoàn, Tổng Công ty Nhà nước cũng như các Doanh nghiệp lớn trong nước và quốc tế. Hiện nay, VCBS cung cấp đầy đủ các dịch vụ sau:

- **Tư vấn tư vấn chào bán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán:** Tư vấn hồ sơ phát hành cổ phiếu, tư vấn hồ sơ phát hành trái phiếu, đại lý phát hành chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán. Trong dịch vụ này, VCBS tự hào là một trong những Công ty Chứng khoán đi đầu trong các sản phẩm trái phiếu được bảo lãnh thanh toán bởi các tổ chức uy tín của nước ngoài như CGIF, GuarantCo... với cấu trúc phức tạp và mới tại Việt Nam có thể kể đến như trái phiếu theo tiêu chuẩn xanh;
- **Dịch vụ tư vấn tái cơ cấu, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, mua bán doanh nghiệp;**
- **Tư vấn quản trị, tư vấn chiến lược doanh nghiệp;**
- **Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp;**
- **Dịch vụ tư vấn khác.**

Là Công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, VCBS có lợi thế kế thừa các chính sách quản trị chuyên nghiệp và nhận được sự hậu thuẫn vững chắc từ Ngân hàng mẹ – Vietcombank về nguồn lực tài chính và mạng lưới khách hàng. Trong giai đoạn tới, tiếp tục tận dụng những lợi thế này, Công ty sẽ tập trung phát triển các mảng nghiệp vụ đem lại giá trị thặng dư lớn như tư vấn phát hành chứng khoán có bảo lãnh thanh toán của tổ chức nước ngoài, mua bán sáp nhập, bảo lãnh phát hành trái phiếu dành cho khách hàng tổ chức và khách hàng cá nhân, bảo lãnh phát hành cổ phiếu...

Tự hào là Công ty Chứng khoán sở hữu nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên môn tốt, được đào tạo bài bản theo các chuyên ngành Kinh tế – Tài chính trong và ngoài nước, sở hữu các chứng chỉ tài chính do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cũng như các chứng chỉ quốc tế như CPA, ACCA, CFA... Bên cạnh đó, đội ngũ nhân sự tư vấn tài chính doanh nghiệp của VCBS phần lớn đều có thời gian công tác lâu năm tại các định chế tài chính uy tín hàng đầu trong và ngoài nước, được thử thách, bồi đắp qua thời gian và trên rất nhiều lĩnh vực ngành nghề của doanh nghiệp.

1.3. Khách hàng cá nhân

1.3.1. Thành tựu nổi bật:

- Trong năm 2024, kinh tế thế giới và trong nước cũng như thị trường Chứng khoán Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, VCBS vẫn nỗ lực tối ưu hóa nguồn lực có sẵn và không ngừng đổi mới, phát triển để đáp ứng linh hoạt với sự biến động của thị trường. Những nỗ lực này đã mang lại thành quả tích cực khi VCBS vững vàng trong **TOP 10 Công ty Chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất HOSE năm 2024, doanh thu môi giới đạt xấp xỉ 372 tỷ đồng.**
- Trên lộ trình tăng tốc tập trung đầu tư vào công nghệ nhằm mang đến cho Khách hàng những trải nghiệm vượt trội từ các sản phẩm và dịch vụ, VCBS tiến hành nâng cấp tính năng mở tài khoản Chứng khoán (TKCK) với việc trở thành một trong những Công ty Chứng khoán tiên phong áp dụng Hợp đồng điện tử – giải pháp hỗ trợ Khách hàng hoàn tất thủ tục mở và kích hoạt TKCK 100% trực tuyến. Việc cải tiến công nghệ mang đến cơ hội cho Khách hàng dễ dàng tham gia thị trường, từ đó, thúc đẩy giao dịch của Khách hàng.
- VCBS ra mắt hệ thống giao dịch phái sinh trực tuyến trên nền tảng Mobile App cùng với ưu điểm nổi bật về giao diện và hệ thống giao dịch. Qua đó, sản phẩm đã mang đến những trải nghiệm thuận ích cho Khách hàng trên hành trình đầu tư Chứng khoán phái sinh.

1.3.2. Các hoạt động triển khai chính sách, sản phẩm

1.3.2.1. Chính sách dịch vụ linh hoạt dành cho từng đối tượng khách hàng

Với định hướng đặt Khách hàng làm trọng tâm, VCBS tập trung nghiên cứu, thiết kế các chính sách phí linh hoạt, phù hợp với nhu cầu và khẩu vị rủi ro của từng đối tượng Khách hàng. Năm 2024, VCBS triển khai các chính sách phí ưu đãi như miễn phí hoặc phí bậc thang chỉ từ 0,075%, đồng thời áp dụng chính sách lãi suất ký quỹ cạnh tranh chỉ từ 8,9%. Qua đó, Khách hàng có thể tối ưu chi phí và phân bổ tài chính phù hợp trên hành trình đầu tư tại VCBS.

1.3.2.2.Hỗ trợ tài chính

Trong bối cảnh thị trường Chứng khoán biến động, sử dụng đòn bẩy tài chính là chiến lược quan trọng giúp nhà đầu tư gia tăng hiệu suất và tối đa hóa lợi nhuận. Với tiềm lực tài chính vững mạnh và sự hậu thuẫn từ Ngân hàng mẹ – Vietcombank, VCBS cung cấp các sản phẩm hỗ trợ tài chính chuyên biệt, giúp Khách hàng tận dụng đòn bẩy hiệu quả, quản lý dòng tiền linh hoạt và tối ưu chiến lược đầu tư. Trong năm 2024, VCBS đẩy mạnh phát triển các sản phẩm hỗ trợ tài chính như Margin thông thường và Margin T5 (miễn lãi 5 ngày làm việc), đảm bảo tuân thủ cơ chế kiểm soát rủi ro chặt chẽ.

Đồng thời, hệ thống giao dịch liên tục được cải tiến nhằm mang đến trải nghiệm thuận tiện, giúp Khách hàng dễ dàng tiếp cận và sử dụng sản phẩm. Với những ưu điểm vượt trội, sản phẩm hỗ trợ tài chính của VCBS không chỉ mở ra cơ hội đầu tư hấp dẫn mà còn đảm bảo sự an tâm và bền vững cho Khách hàng trong mọi biến động của thị trường.

Theo đó, dư nợ Hỗ trợ tài chính cuối năm 2024 đạt trên 5,8 nghìn tỉ đồng, tăng trưởng 16% so với năm 2023.

1.3.2.3.Hợp tác toàn diện với Ngân hàng mẹ – Vietcombank

Với định hướng phát triển hợp tác xây dựng hệ sinh thái kinh doanh One-VCB, năm 2024, VCBS tiếp tục tập trung khai thác sức mạnh hệ thống về thương hiệu và Khách hàng, mở rộng quy mô và mạng lưới bán lẻ ra tất cả các chi nhánh Vietcombank phủ khắp trên toàn quốc. Đến hết năm 2024, VCBS đã ký kết Hợp đồng hợp tác phát triển Khách hàng với toàn bộ các Chi nhánh Vietcombank trên cả nước.

VCBS cũng tập trung phát triển các tiện ích kết nối với Vietcombank, đặc biệt đẩy mạnh hợp tác công nghệ nhằm cung ứng một hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ đa dạng, toàn diện cho từng nhóm đối tượng Khách hàng, từ đó tạo ra lợi thế cạnh tranh và giá trị gia tăng khác biệt trên thị trường. Năm 2024, VCBS đã nâng cấp thành công tiện ích chuyên tiền Chứng khoán trực tuyến ra Tài khoản ngân hàng ngoài Vietcombank, qua đó, mang đến những trải nghiệm tối ưu đến Khách hàng.

1.3.2.4.Mở tài khoản sử dụng Hợp đồng điện tử

Cải tiến hành trình Khách hàng tiếp cận với sản phẩm đầu tư luôn được VCBS chú trọng, do đó, tháng 04/2024, VCBS là một trong những Công ty Chứng khoán tiên phong trong việc áp dụng Hợp đồng điện tử trong mở TKCK. Đây là giải pháp ứng dụng công nghệ số vào việc mở TKCK, mang đến sự tiện lợi, nhanh chóng và an toàn cho Khách hàng, khi giờ đây, Khách hàng có thể ký kết hợp đồng trực tuyến mọi lúc, mọi nơi ngay trên ứng dụng VCBS Mobile. Sau khi hoàn thành ký kết hợp đồng, TKCK của Khách hàng được kích hoạt tức thì và sẵn sàng giao dịch.

Với cam kết bảo mật tiên tiến và tối ưu trải nghiệm, giải pháp này xứng đáng là sự lựa chọn tin cậy cho Khách hàng bắt đầu hành trình đầu tư một cách dễ dàng và hiệu quả.

1.3.2.5.Giao dịch Chứng khoán phái sinh trên Mobile App

Tiếp tục tiên phong trong ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, tháng 07/2024, VCBS chính thức ra mắt hệ thống giao dịch phái sinh trực tuyến trên nền tảng Mobile App. Hệ thống sở hữu nhiều tính năng vượt trội như giao diện thân thiện, tốc độ đặt lệnh nhanh chóng, cùng tính năng cảnh báo giá giúp nhà đầu tư kịp thời nắm bắt cơ hội trên thị trường.

Đặc biệt, hệ thống hỗ trợ đa dạng các lệnh điều kiện như Lệnh dừng giới hạn (Stop Limit) và Lệnh chốt lời – cắt lỗ (Stop Loss/Take Profit). Với thao tác đơn giản và tốc độ xử lý nhanh, bộ đôi lệnh điều kiện này giúp nhà đầu tư tối ưu chiến lược giao dịch, tự động chốt lời hoặc cắt lỗ ngay cả khi không thường xuyên theo dõi thị trường.

Sản phẩm Chứng khoán phái sinh trên Mobile App của VCBS không chỉ mang đến trải nghiệm giao dịch thuận tiện mà còn là công cụ hỗ trợ đắc lực, giúp nhà đầu tư tận dụng mọi cơ hội sinh lời một cách hiệu quả và chủ động.

2. Tình hình tài chính năm 2024

2.1. Tình hình tài sản

Tổng tài sản của Công ty cuối năm 2024 tăng 10% so với đầu năm, chủ yếu do Công ty mở rộng quy mô hoạt động đầu tư và hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ trong năm 2024. Cơ cấu tài sản tập trung nhiều hơn vào hoạt động đầu tư và cho vay giao dịch ký quỹ chiếm tỷ trọng lớn trong Tổng tài sản của Công ty. Hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty tương đối ổn định. Công ty luôn đảm bảo chất lượng các tài sản, không phát sinh các khoản phải thu xấu, tài sản xấu trong kỳ.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Tổng Nợ phải trả của Công ty cuối năm 2024 tăng 109% so với đầu năm, trong đó chủ yếu tăng các khoản nợ vay ngắn hạn do nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tăng.

Trong năm 2024, Công ty luôn đảm bảo trả tất cả các khoản nợ gốc, lãi phát sinh đúng cam kết với đối tác, không phát sinh bất kỳ trường hợp nợ xấu trong kỳ. Các khoản vay ngoại tệ của Công ty đều được phòng ngừa rủi ro, do đó ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới là không đáng kể.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

VCBS vẫn hoạt động với mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với các chính sách nội bộ được cập nhật thường xuyên đảm bảo các hoạt động của Công ty luôn tuân thủ quy định pháp luật đồng thời hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc điều hành một cách hiệu quả.

4. Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2025

Đến năm 2025, VCBS vẫn kiên định với mục tiêu trở thành Ngân hàng đầu tư hàng đầu Việt Nam với nền tảng là đội ngũ nhân sự chất lượng cao, tiềm lực tài chính vững mạnh, năng lực quản trị rủi ro tốt nhất với nền tảng công nghệ thông tin hiện đại.

VCBS sẽ tiếp tục đẩy mạnh các mảng kinh doanh cốt lõi với các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2025 bao gồm:

- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, gia tăng tiện ích và tính năng mới trên các nền tảng giao dịch số của VCBS và Vietcombank để đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, nâng cao trải nghiệm khách hàng;
- Phát huy tối đa hoạt động bán chéo giữa Vietcombank và VCBS, đẩy mạnh kết nối, đồng nhất dữ liệu trên toàn hệ thống và tích hợp các sản phẩm, tính năng trên kênh số VCB Digibank;
- Đổi mới, nâng cao hiệu quả vận hành nội bộ thông qua việc triển khai các chương trình đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu sử dụng các công cụ số hóa quy trình, giảm thời gian xử lý công việc và tối ưu chi phí vận hành;
- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác quản trị nguồn nhân lực tại VCBS;
- Nâng cao năng lực quản trị rủi ro và tuân thủ, nghiên cứu các phương thức quản trị rủi ro linh hoạt kết hợp truyền thống, đáp ứng tính đa dạng của các giao dịch và nhu cầu của khách hàng nhưng vẫn đảm bảo sự bền vững và an toàn sử dụng vốn trong bối cảnh thị trường diễn biến phức tạp và thay đổi liên tục.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

Như đã trình bày chi tiết tại mục II.7, trong năm 2024, VCBS luôn tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến môi trường và người lao động. Ban Lãnh đạo Công ty luôn dành sự quan tâm và ủng hộ đối với các hoạt động vì cộng đồng do các tổ chức và đoàn thể tại địa phương phát động.

IV. Quản trị Công ty

1. Hội đồng thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Ủy viên HĐQT Vietcombank Chủ tịch HĐQT	Được HĐQT Vietcombank bổ nhiệm giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 05/09/2017
2	Bà Hoàng Diễm Thùy	Thành viên HĐQT	Được HĐQT Vietcombank bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên HĐQT từ ngày 28/05/2009
3	Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	Được HĐQT Vietcombank bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc VCBS từ ngày 15/07/2017
4	Ông Lưu Tuấn Linh	Thành viên HĐQT	Được HĐQT Vietcombank bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên HĐQT từ ngày 21/12/2021

2. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên, trong đó bao gồm Trưởng Ban Kiểm soát và một (01) thành viên chuyên trách, một (01) thành viên kiêm nhiệm, thay mặt Chủ sở hữu kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

Ban Kiểm soát kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; trong tổ chức công tác kế toán, kiểm toán, thống kê và lập báo cáo tài chính trong Công ty; trong tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ sở hữu.

Qua hoạt động kiểm soát, Ban Kiểm soát đã kịp thời đưa ra các cảnh báo rủi ro, phát hiện các vấn đề còn tồn tại trong hoạt động, trong quy trình quy chế để kiến nghị Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc chấn chỉnh, bổ sung, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ nhằm ngăn ngừa, hạn chế rủi ro, đảm bảo an toàn trong hoạt động. Ban Kiểm soát đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Tên các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Thu nhập/(Chi phí)	
		31/12/2024	31/12/2023
		VND	VND
Thu nhập của các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Ban kiểm soát và Hội đồng thành viên Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng thành viên, Ban Ban kiểm soát và Hội đồng thành viên Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	17.932.159.493	18.437.807.950

V. Mạng lưới hoạt động

Trụ sở chính

Tầng 5-6-7-8 Tòa nhà Thủ Đô, 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Tel: (84-24) 3936 6990 / Fax: (84-24) 3936 0262

Phòng giao dịch Cát Linh

Tầng 1, số 11B Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tel: (84-24) 3726 5557 / Fax: (84-24) 3726 5550

Phòng giao dịch Chương Dương

Tầng 1, Tòa nhà PTP Building, số 564 Nguyễn Văn Cừ, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Tel: (+84-24) 3678 7047 / Fax: (+84-24) 3675 6042

Phòng giao dịch Hoàng Mai

Tầng 1, Tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Tel: (84-24) 3220 2345 / Fax: (84-24) 3220 2346

Phòng giao dịch Trung Hòa Nhân Chính

Tầng 1, Lô 3 ô 4.1 chung cư đường Hoàng Đạo Thúy, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Tel: (84-24) 3219 1050 / Fax: (84-24) 3219 1048

Phòng giao dịch Thụy Khuê

Tầng 1, Tòa nhà Bắc Vương, số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

Tel: (84-24) 3201 3253 / Fax: (84-24) 3936 0262

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 1 đến tầng 3, số 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: (84-28) 3820 8116 / Fax: (84-28) 3820 8117

Phòng giao dịch Đông Sài Gòn

Số 227 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: (84-28) 6286 1111

Phòng giao dịch Kỳ Đồng

Tầng 1, Tòa nhà Vietcombank Kỳ Đồng, số 13-13 Bis Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: (84-28) 3678 7047 / Fax: (84-28) 3675 6042

Phòng giao dịch Nam Sài Gòn

Tầng 3, Tòa nhà V6, Plot V, Khu đô thị mới Him Lam, số 23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: (84-28) 3775 1409 / Fax: (84-28) 3775 1416

Phòng giao dịch Phan Đình Phùng

Tầng 4, số 303-303A Phan Đình Phùng, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: (84-28) 7301 9268 / Fax: (84-28) 3820 8117

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 12, số 251 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.

Tel: (84-236) 3888 991 / Fax: (84-236) 3888 881

Văn phòng đại diện Hải Phòng

Tầng 2, tòa nhà Akashi tại thửa đất số 10, Lô 2A, Khu đô thị mới Ngã năm sân bay Cát Bi, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Tel: (84-225) 382 1634 / Fax: (84-225) 382 1633

Văn phòng đại diện Cần Thơ

Tầng lửng, số 3-5-7 Hòa Bình, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Tel: (84-292) 3750 888 / Fax: (84-292) 3750 878

Văn phòng đại diện Đồng Nai

Tầng 1 và tầng 2, số 79 Hưng Đạo Vương, Khu phố 4, Phường Trung Dũng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tel: (84-251) 3918 815 / Fax: (84-251) 3918 817

Văn phòng đại diện Vũng Tàu

Tầng 6, số 27 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tel: (84-254) 3513 978 / Fax: (84-254) 3513 979

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
Lê Mạnh Hùng



**Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP
Ngoại thương Việt Nam**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động	11 - 13
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	14 - 17
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	18
Thuyết minh báo cáo tài chính	19 - 66

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 09/GPHĐKD, do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 04 năm 2002. Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 03/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2024. Công ty được sở hữu 100% bởi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán; tư vấn tài chính và dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 5, 6, 7, 8 Tòa nhà Thủ Đô, Số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (1) Trụ sở chính, hai (2) chi nhánh, bốn (4) văn phòng đại diện và chín (9) phòng giao dịch (31/12/2023: một (1) Trụ sở chính, hai (2) chi nhánh, bốn (4) văn phòng đại diện và chín (9) phòng giao dịch).

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Lê Mạnh Hùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2025
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2025
Bà Hoàng Diễm Thùy	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 05 tháng 09 năm 2022
Ông Lưu Tuấn Linh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 05 tháng 09 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thúy Quỳnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 01 tháng 01 năm 2023
Bà La Thị Hồng Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2025
Bà Phạm Thanh Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2025
Bà Trần Kim Vân	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 01 tháng 12 năm 2023

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Trần Việt Hưng	Phụ trách Ban Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2025
Ông Lê Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15 tháng 07 năm 2021
Ông Lê Việt Hà	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2025
Ông Đỗ Thanh Phong	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 12 tháng 07 năm 2021
Ông Phan Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 29 tháng 12 năm 2023
		Bổ nhiệm lại ngày 18 tháng 07 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Mạnh Hùng. Công ty thay đổi chức danh Người đại diện pháp luật từ Tổng Giám đốc thành Chủ tịch Hội đồng thành viên từ ngày 07 tháng 02 năm 2025.

Người ký báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là Ông Lê Việt Hà - Phó Tổng Giám đốc theo Ủy quyền số 26/2024/UQ-VCBS-KSNB ngày 18 tháng 06 năm 2024 của Ông Lê Mạnh Hùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Lê Việt Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

Số tham chiếu: 60755033/01072004-VCBS/EY

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Công ty”), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 67, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

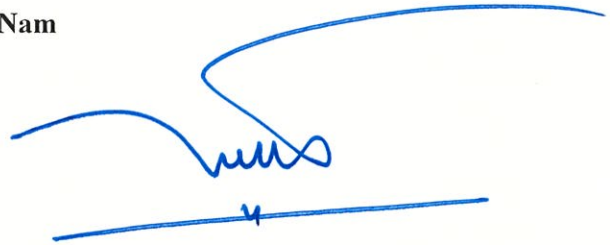
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1



Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		12.753.539.906.909	11.569.430.451.171
110	I. Tài sản tài chính		12.738.687.069.237	11.548.150.573.639
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	41.131.514.212	18.963.747.296
111.1	1.1. Tiền		41.131.514.212	18.963.747.296
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	6.609.270.778.074	6.202.583.752.519
114	3. Các khoản cho vay	7.2	5.884.420.486.247	5.056.906.815.536
117	4. Các khoản phải thu	8	191.703.871.001	206.517.718.470
117.1	4.1. Phải thu bán các tài sản tài chính		4.815.000.000	-
117.2	4.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		186.888.871.001	206.517.718.470
117.4	4.1.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		186.888.871.001	206.517.718.470
118	5. Trả trước cho người bán		7.550.969.862	797.239.874
119	6. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	2.108.241.215	6.096.386.423
122	7. Các khoản phải thu khác	10	3.650.941.996	59.615.964.035
129	8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	11	(1.149.733.370)	(3.331.050.514)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		14.852.837.672	21.279.877.532
131	1. Tạm ứng		30.000.000	8.058.000
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		1.312.201.300	172.888.300
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	12.981.927.032	20.455.368.853
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		-	300.000
136	5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	20	528.709.340	643.262.379

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		145.847.148.008	147.435.959.663
220	I. Tài sản cố định		64.616.256.290	45.724.964.187
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	44.161.503.560	22.423.882.881
222	1.1. Nguyên giá		103.625.835.769	77.735.606.669
223a	1.2. Giá trị khấu hao lũy kế		(59.464.332.209)	(55.311.723.788)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	20.454.752.730	23.301.081.306
228	2.1. Nguyên giá		70.034.747.636	59.655.456.040
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(49.579.994.906)	(36.354.374.734)
	II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		63.090.930	-
250	III. Tài sản dài hạn khác		81.167.800.788	101.710.995.476
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		3.088.445.800	3.001.312.200
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	14	48.079.354.988	68.709.683.276
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	20.000.000.000	20.000.000.000
255	4. Tài sản dài hạn khác	16	10.000.000.000	10.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		12.899.387.054.917	11.716.866.410.834

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.393.151.801.939	7.676.277.762.077
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		8.386.007.183.579	7.667.842.238.288
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	7.855.369.195.889	7.145.664.095.808
312	1.1. Vay ngắn hạn		7.855.369.195.889	7.145.664.095.808
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	8.116.785.386	9.094.412.013
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	19	26.510.794.183	43.010.686.458
	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		100.000.000	-
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	41.457.959.273	39.768.211.544
323	6. Phải trả người lao động		52.870.127.848	50.014.685.184
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(5.248.035)	-
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	27.436.463.716	16.044.553.141
327	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.038.051.103	17.859.002.265
328	10. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		-	16.000.000.000
329	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		5.569.575.393	4.153.797.140
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		26.914.228.823	24.736.223.306
332	13. Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ		340.629.250.000	301.496.571.429
340	II. Nợ phải trả dài hạn		7.144.618.360	8.435.523.789
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	22	7.144.618.360	8.435.523.789
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.506.235.252.978	4.040.588.648.757
410	I. Vốn chủ sở hữu		4.506.235.252.978	4.040.588.648.757
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		35.324.787.303	35.324.787.303
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		98.524.646.045	98.524.646.045
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối		1.872.385.819.630	1.406.739.215.409
417.1	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		1.847.673.269.258	1.367.031.698.290
417.2	5.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		24.712.550.372	39.707.517.119
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.899.387.054.917	11.716.866.410.834

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (“CTCK”) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	Nợ khó đòi đã xử lý	23.1	3.480.635.990	470.931.553
005	Ngoại tệ các loại		936	936
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) của CTCK (VND)	23.2	1.292.981.980.000	1.221.030.300.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK (VND)	23.3	350.000.000.000	3.250.760.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	23.4	-	7.100.000.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK (VND)	23.5	1.294.477.490.000	44.477.490.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư (VND)	23.6	67.532.861.940.000	64.452.891.190.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		61.072.165.250.000	55.775.296.400.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		189.702.500.000	211.277.970.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		5.979.649.850.000	7.983.849.540.000
021.4	Tài sản tài chính bị phong tỏa, giam giữ		3.162.850.000	771.950.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		288.181.490.000	481.695.330.000
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)	23.7	217.045.840.000	465.479.160.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		195.865.300.000	117.266.620.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		21.180.540.000	348.212.540.000

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
023	TSTC chờ về của Nhà đầu tư	23.8	183.770.450.000	258.808.960.000
026	Tiền gửi của khách hàng (VND)		3.243.393.248.592	4.788.950.764.631
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	23.9	2.559.998.526.103	3.362.961.767.240
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng (VND)	23.9	663.464.053.261	1.137.331.492.966
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán (VND)	23.9	3.977.243.343	3.971.715.323
	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước (VND)		2.339.316.108	2.336.410.532
	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài (VND)		1.637.927.235	1.635.304.791
030	Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	23.10	15.953.425.885	284.685.789.102
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	23.11	3.227.716.914.061	4.504.511.707.130
031.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		2.905.352.183.910	4.007.118.080.582
031.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		322.364.730.151	497.393.626.548
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (VND)	23.12	15.676.334.531	284.439.057.501

Người lập biểu

Bà Lê Thu Hiền
Kế toán Tổng hợp

Người phê duyệt

Bà Lê Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Ông Lê Việt Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		458.872.638.449	464.604.942.464
1.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	24.1	134.708.983.387	75.255.634.872
1.2	1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	24.2	8.468.877.440	33.633.906.737
1.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	24.3	315.694.777.622	355.715.400.855
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	24.3	-	9.625.629.080
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	24.3	634.145.548.488	493.372.001.493
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.3	-	6.058.115.542
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	25	370.762.942.054	342.697.783.281
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	25	12.740.222.400	300.036.581
09	7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	25	18.723.836.568	24.981.595.358
10	8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	25	2.896.999.999	1.896.272.727
11	9. Thu nhập hoạt động khác	25	5.480.987.120	7.877.797.409
20	Cộng doanh thu hoạt động		1.503.623.175.078	1.351.414.173.935
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		41.527.742.414	(5.242.080.566)
21.1	1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	24.1	23.034.157.970	21.203.763.298
21.2	1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	24.2	16.303.285.573	(27.901.678.721)
21.3	1.3. Chi phí giao dịch mua các TSTC thông qua lãi/lỗ		2.190.298.871	1.455.834.857
25	2. Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro		-	2.028.453.053
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh		19.419.185.210	16.722.560.566

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)			
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		258.183.910.935	218.164.534.917
28	5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		8.337.297.006	11.435.058.247
30	6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		26.904.605.710	30.884.527.277
31	7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		10.838.219.621	9.717.341.338
32	8. Chi phí các dịch vụ khác		37.740.185	(156.939.118)
40	Cộng chi phí hoạt động		365.248.701.081	283.553.455.714
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	26	13.241.825.189	36.663.940.573
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	26	2.820.380.175	1.232.726.335
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	26	16.062.205.364	37.896.666.908
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	27	13.368.780.153	36.679.566.670
52	Chi phí lãi vay	27	343.741.466.492	309.152.466.840
60	Cộng chi phí tài chính	27	357.110.246.645	345.832.033.510
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	28	164.592.903.482	153.133.999.099
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		632.733.529.234	606.791.352.520

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		1.034.966.730	783.629.101
72	2. Chi phí khác		8.333.333	9.166.667
80	Cộng kết quả hoạt động khác		1.026.633.397	774.462.434
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		633.760.162.631	607.565.814.954
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		652.503.871.064	515.212.829.085
92	2. (Lỗ)/Lợi nhuận chưa thực hiện		(18.743.708.433)	92.352.985.869
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)		125.752.552.667	119.789.546.066
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	127.043.458.096	106.959.589.045
100.2	2. (Thu nhập)/Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(1.290.905.429)	12.829.957.021
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		508.007.609.964	487.776.268.888
300	XI. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	Lỗ từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán		-	(19.644.466)
400	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN		508.007.609.964	487.756.624.422

Người lập biểu



Bà Lê Thu Hiền
Kế toán Tổng hợp

Người phê duyệt



Bà Lê Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Ông Lê Việt Hà
Phó Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	1. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN		633.760.162.631	607.565.814.954
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		(492.796.089.404)	(496.931.839.647)
03	Khấu hao TSCĐ		22.890.411.029	8.605.120.473
04	Các khoản dự phòng		828.387.293	(588.181.446)
05	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		10.909.300.300	(30.817.400.411)
06	Chi phí lãi vay	27	343.741.466.492	309.152.466.840
07	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.869.319.569)	(10.903.188.748)
08	Dự thu tiền lãi		(864.285.791.486)	(772.398.145.201)
09	Các khoản điều chỉnh khác		(4.010.543.463)	17.488.846
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		16.303.285.573	(27.901.678.721)
11	Lãi/(lỗ) đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	24.2	16.303.285.573	(27.901.678.721)
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(8.468.877.440)	(33.633.906.737)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	24.2	(8.468.877.440)	(33.633.906.737)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(825.061.337.315)	(4.113.660.367.024)
31	Tăng tài sản tài chính FVTPL		(414.521.433.688)	(2.795.404.077.974)
32	Giảm các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		-	298.363.390.095
33	Tăng các khoản cho vay		(827.513.670.711)	(1.904.363.075.317)
34	Giảm tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		-	72.222.300.000
35	Tăng phải thu bán các TSTC		(4.815.000.000)	-
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		883.914.638.955	670.784.263.447
37	Giảm/(tăng) phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		1.338.145.208	(1.179.778.158)
39	Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác		55.705.317.602	(46.657.543.233)
40	(Tăng)/giảm các tài sản khác		(1.161.255.000)	198.021.000
41	Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		1.132.941.205	(3.339.868.036)
42	Tăng/(giảm) chi phí trả trước		28.103.770.109	(19.848.375.319)
43	Thuế TNDN đã nộp	29	(124.510.403.178)	(107.692.196.347)
44	Lãi vay đã trả		(333.283.318.551)	(312.616.217.688)
45	(Tăng)/giảm phải trả cho người bán		(23.253.622.263)	41.135.368.557
46	(Giảm)/tăng các khoản trích lập phúc lợi nhân viên		(5.248.035)	1.650.000
47	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(728.754.150)	(3.154.296.900)
48	Tăng/(giảm) phải trả người lao động		2.855.442.664	(2.430.697.106)
50	(Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác		(16.060.296.819)	18.037.271.515
51	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.643.409.400	16.933.315.667
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(57.902.000.063)	(34.649.821.227)
60	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(676.262.855.955)	(4.064.561.977.175)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	CHI TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(42.167.296.779)	(48.072.527.742)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		48.939.394	44.833.333
64	Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		2.820.380.175	10.858.355.415
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(39.297.977.210)	(37.169.338.994)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
73	Tiền vay gốc		88.168.667.705.578	334.147.904.841.051
73.2	Tiền vay khác		88.168.667.705.578	334.147.904.841.051
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(87.430.939.105.497)	(330.278.721.205.241)
74.2	Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính		(2.976.014.000)	-
74.3	Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(87.427.963.091.497)	(330.278.721.205.241)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		737.728.600.081	3.869.183.635.810
90	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		22.167.766.916	(232.547.680.359)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	18.963.747.296	251.511.427.655
101.1	Tiền		18.963.747.296	41.511.427.655
101.2	Các khoản tương đương tiền		-	210.000.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	41.131.514.212	18.963.747.296
103.1	Tiền		41.131.514.212	18.963.747.296
104	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		699.700	745.641

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		232.173.614.868.432	142.167.905.745.241
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(228.029.578.690.476)	(141.646.830.276.598)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		242.502.858.902.773	419.569.201.416.975
07.1	3.1 Tiền gửi ký quỹ của NĐT tại VSDC		3.689.475.441.335	4.836.830.001.224
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(251.595.870.794.450)	(422.979.827.844.791)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(17.324.880.436)	(21.989.107.664)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		19.040.831.239.717	14.842.437.733.970
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(19.309.563.602.934)	(14.848.221.294.896)
20	(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm		(1.545.557.516.039)	1.919.506.373.461
30	II. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM CỦA KHÁCH HÀNG		4.788.950.764.631	2.869.444.391.170
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		4.788.950.764.631	2.869.444.391.170
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		3.362.961.767.240	2.098.736.026.116
33	Trong đó có kỳ hạn:			
	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		1.137.331.492.966	476.274.313.202
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		3.971.715.323	3.964.701.824
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		284.685.789.102	290.469.350.028

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG
(tiếp theo)

Mã số	CHI TIẾT	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
40	III. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM CỦA KHÁCH HÀNG		3.243.393.248.592	4.788.950.764.631
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		3.243.393.248.592	4.788.950.764.631
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		2.559.998.526.103	3.362.961.767.240
43	Trong đó có kỳ hạn			
	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		663.464.053.261	1.137.331.492.966
	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		3.977.243.343	3.971.715.323
	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		15.953.425.885	284.685.789.102

Người lập biểu

Bà Lê Thu Hiền
Kế toán Tổng hợp

Người phê duyệt

Bà Lê Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Ông Lê Việt Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

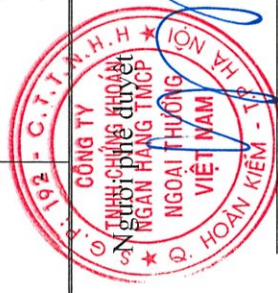
CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm			Số tăng/giảm			Số dư cuối năm	
	Ngày 01 tháng 01 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2024		Năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Tăng	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	8	9	
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000	-	-	-	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000	
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000	-	-	-	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000	
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	35.324.787.303	35.324.787.303	-	-	-	35.324.787.303	35.324.787.303	
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	98.524.646.045	98.524.646.045	-	-	-	98.524.646.045	98.524.646.045	
4. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	19.644.466	-	(24.555.582)	(4.911.116)	-	-	-	
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	36.168.732.633	14.717.726.224	-	-	-	
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	
7. Lợi nhuận chưa phân phối	954.688.246.951	1.406.739.215.409	487.776.268.888	516.735.050.204	51.088.445.983	1.406.739.215.409	1.872.385.819.630	
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	988.863.118.528	1.367.031.698.290	413.893.880.192	523.002.576.711	42.361.005.743	1.367.031.698.290	1.847.673.269.238	
7.2. Lỗ/(lợi nhuận) chưa thực hiện	(34.174.871.577)	39.707.517.119	73.882.388.696	(6.267.526.507)	8.727.440.240	39.707.517.119	24.712.550.372	
TỔNG CỘNG	3.588.557.324.765	4.040.588.648.757	523.920.445.939	71.889.121.947	65.806.172.207	4.040.588.648.757	4.506.235.252.978	
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC								
1. Lỗ từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	19.644.466	-	(24.555.582)	(4.911.116)	-	-	-	
TỔNG CỘNG	19.644.466	-	(24.555.582)	(4.911.116)	-	-	-	

Người lập biểu

Bà Lê Thu Hiền
Kế toán Tổng hợp
Hà Nội, Việt Nam

Người phê duyệt

Bà Lê Thị Ngọc Trâm
Kế toán Trưởng



Ông Lê Việt Hà
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 09/GPHĐKD được cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2002 tại Việt Nam và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 03/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2024. Công ty được sở hữu 100% bởi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 5, 6, 7, 8 Tòa nhà Thủ Đô, Số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (1) Trụ sở chính, hai (2) chi nhánh, bốn (4) văn phòng đại diện và chín (9) phòng giao dịch (31/12/2023: một (1) Trụ sở chính, hai (2) chi nhánh, bốn (4) văn phòng đại diện và chín (9) phòng giao dịch).

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán; tư vấn tài chính và dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 384 nhân viên (31/12/2023: 361 nhân viên).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 2.500.000.000.000 VND (31/12/2023: 2.500.000.000.000 VND).

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường Việt Nam với các hoạt động chính bao gồm: môi giới chứng khoán; cho vay ký quỹ; tự doanh chứng khoán; lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán và thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật. Công ty hoạt động với mục tiêu đóng góp vào sự phát triển chung của thị trường chứng khoán, đem lại những thành công, lợi ích cho khách hàng và công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm Trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu;
- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:
 - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”), Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính (“Thông tư 334”) sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với Năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4.4 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau :

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán, trong trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày đánh giá thì xác định tương tự cổ phiếu hủy niêm yết;
- ▶ Đối với các cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết, chứng quyền niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch (“UPCoM”) thì giá trị thị trường được xác định theo giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm đánh giá lại. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày đánh giá thì xác định tương tự cổ phiếu hủy niêm yết;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 *Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính (tiếp theo)*

- ▶ Đối với chứng khoán hủy niêm yết: giá trị hợp lý của chứng khoán là giá trị sổ sách căn cứ theo báo cáo tài chính gần nhất của tổ chức phát hành đã được kiểm toán hoặc soát xét;
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCoM”) thì giá chứng khoán thực tế là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán mà Công ty thu thập được. Trường hợp không có đủ báo giá tối thiểu 03 công ty chứng khoán, giá được ghi nhận sẽ là giá gốc.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên quy định nội bộ của Công ty.

- ▶ Đối với Trái phiếu Chính phủ: Năm 2023, Trái phiếu Chính phủ (“TPCP”) được đánh giá giá trị hợp lý theo Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán của giao dịch thông thường tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn (02) tuần tính đến ngày đánh giá, Công ty sử dụng giá đánh giá là giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền với tỷ suất chiết khấu được sử dụng và lợi suất được xác định bằng lợi suất bình quân của mã TPCP có kỳ hạn gần nhất với mã TPCP cần xác định tại ngày có giao dịch gần nhất với ngày đánh giá và ngày giao dịch không quá 02 tuần tính đến ngày đánh giá. Năm 2024, TPCP được đánh giá giá trị hợp lý theo giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền với tỷ suất chiết khấu được sử dụng là lợi suất trung bình tuyến tính theo lợi suất và kỳ hạn chuẩn do VBMA công bố tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (ngày đánh giá). Nếu Công ty thực hiện việc đánh giá giá trị hợp lý theo phương pháp của năm 2023, giá trị hợp lý của TPCP sẽ tăng thêm 6.839.000.000 đồng, lợi nhuận chưa thực hiện của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ tăng một khoản tương ứng.
- ▶ Đối với TPDN và Chứng chỉ tiền gửi: Đánh giá bằng giá mua cộng lãi coupon lũy kế đã dự thu.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 (“Thông tư 48”) và Thông tư số 24/2022/TT-BTC (“Thông tư số 24”) ngày 07 tháng 04 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính*

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài

sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh, các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.6 *Phân loại lại tài sản tài chính*

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục “*Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý*” thuộc Vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư dài hạn khác được lập cho từng khoản đầu tư có tổn thất, và được xem xét vào cuối mỗi kỳ kế toán. Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác nếu khoản đầu tư bị tổn thất do các đơn vị nhận vốn góp bị lỗ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

4.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí hoạt động” trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản phải thu chưa quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.10 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận chuyển	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	3 năm

4.11 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Các hợp đồng mua bán và cam kết mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các hợp đồng mua lại trái phiếu Chính phủ được theo dõi tại khoản mục “Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ” trên báo cáo tình hình tài chính.

4.14 Các khoản vay và phát hành trái phiếu

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

4.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.16 Lợi ích của nhân viên

4.16.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Theo quy định, Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác của nhân viên. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.16.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ - quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động. Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

4.16.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 61/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

4.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (“VND”) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Trong trường hợp Công ty đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái thì không được đánh giá lại các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định (“TSCĐ”), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.19 Chi phí tiền lãi

Chi phí tiền lãi bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

4.20 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tài ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và chi phí/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Năm 2021 trở về trước, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo quyết định của Chủ sở hữu.

Căn cứ thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, từ năm 2022, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quyết định của Chủ sở hữu. Công ty sẽ xử lý số dư các quỹ theo Thông tư số 114/2021/TT-BTC.

4.23 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4.24 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>31/12/2024</i>	<i>31/12/2023</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền		
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	40.990.946.927	18.821.443.914
Tiền gửi bù trừ và thanh toán trong giao dịch chứng khoán	140.567.285	142.303.382
Tổng cộng	41.131.514.212	18.963.747.296

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<i>Năm 2024</i>		<i>Năm 2023</i>	
	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện VND</i>	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện VND</i>
Của Công ty				
Cổ phiếu	123.932.303	3.624.121.009.950	106.990.800	2.519.924.242.450
Trái phiếu	600.500.000	69.178.886.000.000	446.017.176	51.832.010.140.080
Chứng chỉ quỹ	6.150.653	108.671.004.810	-	-
	730.582.956	72.911.678.014.760	553.007.976	54.351.934.382.530
Của Nhà đầu tư				
Cổ phiếu	13.554.270.565	291.308.356.225.670	14.634.054.829	257.844.675.865.770
Trái phiếu	360.010.000	39.738.006.070.000	379.802.002	41.127.377.974.774
Chứng chỉ quỹ	19.770.680	484.442.978.500	28.383.692	639.915.226.850
	13.934.051.245	331.530.805.274.170	15.042.240.523	299.611.969.067.394
Tổng cộng	14.664.634.201	404.442.483.288.930	15.595.248.499	353.963.903.449.924

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại *Thuyết minh số 4.4*.

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục “*Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp*” trên báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu, CCQ niêm yết và đăng ký giao dịch trên UPCoM	481.215.666.280	535.526.413.194	221.456.558.138	251.206.099.042
Cổ phiếu chưa niêm yết	40.716.495.856	40.707.069.830	40.716.495.856	40.710.497.329
Trái phiếu niêm yết	697.292.102.739	673.880.000.000	669.306.416.095	678.286.500.000
Trái phiếu chưa niêm yết	2.388.770.250.950	2.388.770.250.950	1.761.072.436.972	1.761.072.436.972
Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	2.970.387.044.100	2.970.387.044.100	3.471.308.219.176	3.471.308.219.176
Tổng cộng	6.578.381.559.925	6.609.270.778.074	6.163.860.126.237	6.202.583.752.519

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, hợp đồng tiền gửi, trái phiếu chưa niêm yết có giá gốc là 4.063.470 triệu VND (31/12/2023: 3.104.115 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn cho mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty (Thuyết minh 17).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, trái phiếu niêm yết có giá gốc là 348.462 triệu VND (31/12/2023: 301.403 triệu VND) đã được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai.

7.2 Các khoản cho vay

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Cho vay hoạt động ký quỹ (i)	5.705.988.783.926	5.705.988.783.926	4.800.641.653.249	4.800.641.653.249
Ứng trước tiền bán chứng khoán	178.431.702.321	178.431.702.321	256.265.162.287	256.265.162.287
Tổng cộng	5.884.420.486.247	5.884.420.486.247	5.056.906.815.536	5.056.906.815.536

(i) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc tối đa là 90 ngày và hưởng lãi suất năm từ 8,9% đến 11,5% (31/12/2023 từ 8,9% đến 13,5%).

(*) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.3 Tình hình biến động giá trị hợp lý của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	31/12/2024				31/12/2023			
	Giá mua/Giá gốc		Chênh lệch đánh giá		Giá mua/Giá gốc		Chênh lệch đánh giá	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	6.578.381.559.925	63.179.310.265	(32.290.092.116)	6.609.270.778.074	6.163.860.126.237	54.710.432.825	(15.986.806.543)	6.202.583.752.519
Cổ phiếu, CCQ niêm yết và đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM	481.215.666.280	59.167.536.576	(4.856.789.662)	535.526.413.194	221.456.558.138	33.496.853.712	(3.747.312.808)	251.206.099.042
Cổ phiếu chưa niêm yết	40.716.495.856	2.273.689	(11.699.715)	40.707.069.830	40.716.495.856	2.257.195	(8.255.722)	40.710.497.329
Trái phiếu niêm yết	697.292.102.739	4.009.500.000	(27.421.602.739)	673.880.000.000	669.306.416.095	21.211.321.918	(12.231.238.013)	678.286.500.000
Trái phiếu chưa niêm yết	2.388.770.250.950	-	-	2.388.770.250.950	1.761.072.436.972	-	-	1.761.072.436.972
Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	2.970.387.044.100	-	-	2.970.387.044.100	3.471.308.219.176	-	-	3.471.308.219.176
Tổng cộng	6.578.381.559.925	63.179.310.265	(32.290.092.116)	6.609.270.778.074	6.163.860.126.237	54.710.432.825	(15.986.806.543)	6.202.583.752.519

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2024	31/12/2023
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu bán các TSTC	4.815.000.000	-
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	186.888.871.001	206.517.718.470
<i>Dự thu cổ tức</i>	40.000.000	433.515.851
<i>Dự thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi</i>	75.842.726.016	126.023.675.754
<i>Dự thu lãi trái phiếu</i>	44.690.975.183	32.682.924.174
<i>Dự thu lãi hoạt động cho vay</i>	66.315.169.802	47.377.602.691
Tổng cộng	<u>191.703.871.001</u>	<u>206.517.718.470</u>

9. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CUNG CẤP

	31/12/2024	31/12/2023
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	722.303.916	1.433.079.967
Phải thu hoạt động tư vấn	33.000.000	2.750.000.000
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	1.352.937.299	1.462.814.419
Phải thu dịch vụ khác	-	450.492.037
Tổng cộng	<u>2.108.241.215</u>	<u>6.096.386.423</u>

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024	31/12/2023
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khác	3.650.941.996	59.615.964.035
<i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh</i>	1.428.286.409	57.436.200.569
<i>Phải thu khác</i>	2.222.655.587	2.179.763.466
Trong đó:		
<i>Phải thu khác khó đòi</i>	977.694.000	446.751.329
Tổng cộng	<u>3.650.941.996</u>	<u>59.615.964.035</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Giá trị phải thu khó đòi đầu năm VND</i>	<i>Số dự phòng đầu năm VND</i>	<i>Số trích lập trong năm VND</i>	<i>Số hoàn nhập/xử lý nợ trong năm VND</i>	<i>Số dự phòng cuối năm VND</i>	<i>Giá trị phải thu khó đòi cuối năm VND</i>
Phải thu từ dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp						
- Các khách hàng khác	3.052.747.136	2.884.299.185	50.241.461	(2.762.501.276)	172.039.370	506.203.925
Các khoản phải thu khác						
- Các khách hàng khác	446.751.329	446.751.329	977.694.000	(446.751.329)	977.694.000	977.694.000
Tổng cộng	3.499.498.465	3.331.050.514	1.027.935.461	(3.209.252.605)	1.149.733.370	1.483.897.925

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Phương tiện vận chuyên VND</i>	<i>Thiết bị văn phòng VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	7.192.046.240	70.543.560.429	77.735.606.669
Mua trong năm	7.116.821.080	24.608.093.173	31.724.914.253
Thanh lý trong năm	-	(5.834.685.153)	(5.834.685.153)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	14.308.867.320	89.316.968.449	103.625.835.769
Khấu hao lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	6.598.534.635	48.713.189.153	55.311.723.788
Khấu hao trong năm	968.546.603	9.018.746.971	9.987.293.574
Thanh lý trong năm	-	(5.834.685.153)	(5.834.685.153)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	7.567.081.238	51.897.250.971	59.464.332.209
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	593.511.605	21.830.371.276	22.423.882.881
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	6.741.786.082	37.419.717.478	44.161.503.560

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	<i>31/12/2024 VND</i>	<i>31/12/2023 VND</i>
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	47.351.134.376	49.111.704.029

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm máy tính</i>
	<u>31/12/2024</u>
	<u>VND</u>
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	59.655.456.040
Mua trong năm	5.501.155.960
Tặng khác	4.878.135.636
Số dư cuối năm	70.034.747.636
Hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	36.354.374.734
Hao mòn trong năm	13.225.620.172
Số dư cuối năm	49.579.994.906
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	23.301.081.306
Số dư cuối năm	20.454.752.730

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

	<u>31/12/2024</u>	<u>31/12/2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	16.248.408.161	16.248.408.161

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2024</u>	<u>31/12/2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	12.981.927.032	20.455.368.853
Tiền thuê văn phòng trả trước	286.677.246	128.006.799
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	12.695.249.786	20.327.362.054
Chi phí trả trước dài hạn	48.079.354.988	68.709.683.276
Tiền thuê văn phòng trả trước	43.768.117.214	62.870.896.742
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.311.237.774	5.838.786.534
Tổng cộng	61.061.282.020	89.165.052.129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”).

Theo các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSDC và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	<u>31/12/2024</u>	<u>31/12/2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm và cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng cộng	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>

16. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”). Theo Quyết định số 14/QĐ-HĐTV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng Thành viên VSDC về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ cho thị trường chứng khoán phái sinh tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“Quyết định 14”), thành viên bù trừ có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ bằng tiền (VND) hoặc chứng khoán. Mức đóng góp vào Quỹ bù trừ bằng tiền tối thiểu ban đầu do Bộ Tài chính quy định cụ thể. Mức đóng góp bổ sung và mức đóng góp bổ sung bất thường được VSDC xác định và thông báo cho các thành viên bù trừ theo hướng dẫn tại Quyết định 14. Lãi tiền gửi phát sinh từ tài khoản tiền gửi Quỹ bù trừ tại ngân hàng thanh toán được xác định theo lãi suất không kỳ hạn do ngân hàng thanh toán công bố tại từng thời điểm.

Chi tiết tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh như sau:

	<u>31/12/2024</u>	<u>31/12/2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ bù trừ thanh toán	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng cộng	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương
Việt Nam

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2023 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2024 VND
Vay bổ sung vốn lưu động (i)	6.082.285.000.000	51.363.612.200.000	49.875.897.200.000	7.570.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	778.000.000.000	6.110.002.200.000	6.127.002.200.000	761.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	479.000.000.000	1.500.000.000.000	1.679.000.000.000	300.000.000.000
Ngân hàng iM	120.000.000.000	360.000.000.000	360.000.000.000	120.000.000.000
Ngân hàng KEB HANA	-	230.000.000.000	-	230.000.000.000
Ngân Hàng Mizuho Bank	-	2.779.000.000.000	2.319.000.000.000	460.000.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	544.000.000.000	5.124.000.000.000	5.074.000.000.000	594.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	394.000.000.000	3.573.000.000.000	2.952.000.000.000	1.015.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	640.000.000.000	16.311.000.000.000	16.532.000.000.000	419.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	929.000.000.000	929.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	1.832.000.000.000	1.832.000.000.000	-
Ngân hàng TNHH Indovina	300.000.000.000	3.086.000.000.000	2.507.000.000.000	879.000.000.000
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam	50.000.000.000	639.000.000.000	392.000.000.000	297.000.000.000
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu	-	1.514.000.000.000	1.014.000.000.000	500.000.000.000
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Thịnh Vương Và Phát Triển	470.000.000.000	3.511.000.000.000	3.281.000.000.000	700.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	274.000.000.000	274.000.000.000	-
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thương Tín	242.000.000.000	839.000.000.000	856.000.000.000	225.000.000.000
Maybank International Labuan Branch	1.217.285.000.000	220.910.000.000	1.228.195.000.000	210.000.000.000
Ngân hàng TNHH CTBC	150.000.000.000	450.000.000.000	450.000.000.000	150.000.000.000
Ngân hàng SinoPac	190.000.000.000	297.700.000.000	487.700.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông	128.000.000.000	-	128.000.000.000	-
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	150.000.000.000	390.000.000.000	450.000.000.000	90.000.000.000
Ngân Hàng Thương Mại Trách Nhiệm Hữu Hạn E.Sun - Chi nhánh Đồng Nai	230.000.000.000	295.000.000.000	525.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	629.000.000.000	329.000.000.000	300.000.000.000
Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn MB Shinsei	-	470.000.000.000	150.000.000.000	320.000.000.000
Vay khác (ii)	1.063.379.095.808	4.647.995.991.578	5.426.005.891.497	285.369.195.889
Tổng cộng	7.145.664.095.808	56.011.608.191.578	55.301.903.091.497	7.855.369.195.889

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản vay tổ chức tín dụng có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 12 tháng và chịu lãi suất năm từ 3,8% đến 5,9% (31/12/2023: các khoản vay tổ chức tín dụng có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 5 tháng và chịu lãi suất năm từ 4,0% đến 9,25%).

Các khoản vay này được đảm bảo bằng các chứng khoán và giấy tờ có giá có giá gốc là 4.063.470 triệu VND tại ngày 31/12/2024 (31/12/2023: 3.104.115 triệu VND) (Thuyết minh 7).

- (ii) Tại ngày 31/12/2024, số dư này phản ánh các khoản vay tổ chức khác chịu lãi suất năm từ 4,6% đến 6,5% (31/12/2023: các khoản vay tổ chức và cá nhân khác chịu lãi suất năm 4,2% đến 7,5%).

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<i>31/12/2024</i>	<i>31/12/2023</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán (phí giao dịch chứng khoán)	6.539.962.395	6.803.952.261
Phải trả VSDC (phí lưu ký, phí chuyển khoản)	1.576.822.991	2.290.459.752
Tổng cộng	8.116.785.386	9.094.412.013

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>31/12/2024</i>	<i>31/12/2023</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải trả về mua các tài sản tài chính ngắn hạn	-	21.553.310.000
Phải trả người bán ngắn hạn khác	26.510.794.183	21.457.376.458
Tổng cộng	26.510.794.183	43.010.686.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2023			31/12/2024			Đơn vị: VND
	Ứng trước	Phải trả	Tăng	Giảm	Ứng trước	Phải trả	
Thuế giá trị gia tăng	-	61.979.397	625.227.006	(633.608.235)	-	53.598.168	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	21.170.610.555	127.043.458.096	(124.510.403.178)	-	23.703.665.473	
Thuế thu nhập cá nhân	(429.393.036)	759.051.593	31.266.347.183	(30.875.954.013)	(314.839.997)	1.034.891.724	
Thuế nộp hộ nhà đầu tư	-	15.644.003.353	185.383.217.534	(184.483.761.846)	-	16.543.459.041	
Các loại thuế khác	-	2.132.566.646	6.210.736.733	(8.220.958.512)	-	122.344.867	
Tiền phạt thuế	(213.869.343)	-	6.449.111	(6.449.111)	(213.869.343)	-	
Tổng cộng	(643.262.379)	39.768.211.544	350.535.435.663	(348.731.134.895)	(528.709.340)	41.457.959.273	

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024		31/12/2023	
	VND	VND	VND	VND
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	25.907.075.621		15.648.106.251	
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.529.388.095		396.446.890	
Tổng cộng	27.436.463.716		16.044.553.141	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	5.486.660.491	2.447.898.747
Dự phòng phải thu khó đòi	4.877.165	58.818.053
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.491.537.656	2.506.716.800
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	(12.635.862.053)	(10.942.086.566)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(293.963)	(154.023)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(12.636.156.016)	(10.942.240.589)
Tổng cộng	(7.144.618.360)	(8.435.523.789)

Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm:

	31/12/2023 VND	<i>Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động</i> VND	<i>Được ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác</i> VND	31/12/2024 VND
Dự phòng phải thu khó đòi	294.090.264	(269.704.437)	-	24.385.827
Chênh lệch giảm đánh giá lại chứng khoán chưa niêm yết	12.239.493.735	15.193.808.719	-	27.433.302.454
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ khác	(54.710.432.825)	(8.468.877.440)	-	(63.179.310.265)
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(770.116)	(699.699)	-	(1.469.815)
Tổng cộng	(42.177.618.942)	6.454.527.143	-	(35.723.091.799)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

23.1 Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
- Các khoản phải thu khác	3.480.635.990	470.931.553
Tổng cộng	3.480.635.990	470.931.553

23.2 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của CTCK

	31/12/2024		31/12/2023	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	22.118.348	641.181.980.000	15.613.580
Tài sản tài chính giao dịch, cầm cố	650	650.000.000.000	-	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	180.000	1.800.000.000	100	1.000.000
Tổng cộng	22.298.998	1.292.981.980.000	15.613.680	1.221.030.300.000

23.3 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK

	31/12/2024		31/12/2023	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	3.500.000	350.000.000.000	325.076
Tổng cộng	3.500.000	350.000.000.000	325.076	3.250.760.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
(tiếp theo)

23.4 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	31/12/2024		31/12/2023	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Trái phiếu	-	-	710.000	7.100.000.000
Tổng cộng	-	-	710.000	7.100.000.000

23.5 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Công ty

	31/12/2024		31/12/2023	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Cổ phiếu	4.447.749	44.477.490.000	4.447.749	44.477.490.000
Trái phiếu	6.650	1.250.000.000.000	-	-
Tổng cộng	4.454.399	1.294.477.490.000	4.447.749	44.477.490.000

23.6 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư

	31/12/2024		31/12/2023	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	4.155.509.888	61.072.165.250.000	3.599.991.491	55.775.296.400.000
TSTC hạn chế chuyển nhượng	18.970.250	189.702.500.000	21.127.797	211.277.970.000
TSTC giao dịch cầm cố	394.715.024	5.979.649.850.000	490.674.954	7.983.849.540.000
TSTC phong tỏa, tạm giữ	316.285	3.162.850.000	77.195	771.950.000
TSTC chờ thanh toán	28.818.149	288.181.490.000	48.061.533	481.695.330.000
Tổng cộng	4.598.329.596	67.532.861.940.000	4.159.932.970	64.452.891.190.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
(tiếp theo)

23.7 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	31/12/2024		31/12/2023	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	18.586.630	195.865.300.000	11.726.662	117.266.620.000
TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	2.118.054	21.180.540.000	34.821.254	348.212.540.000
Tổng cộng	20.704.684	217.045.840.000	46.547.916	465.479.160.000

23.8 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	31/12/2024		31/12/2023	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Cổ phiếu	18.377.045	183.770.450.000	25.880.896	258.808.960.000
Tổng cộng	18.377.045	183.770.450.000	25.880.896	258.808.960.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
(tiếp theo)

23.9 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.559.998.526.103	3.362.961.767.240
<i>a. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	2.150.451.772.197	2.556.648.591.121
<i>b. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	320.792.605.099	444.682.965.857
<i>c. Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC</i>	88.754.148.807	361.630.210.262
2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	663.464.053.261	1.137.331.492.966
3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	3.977.243.343	3.971.715.323
<i>a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	2.339.316.108	2.336.410.532
<i>b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	1.637.927.235	1.635.304.791
Tổng cộng	<u>3.227.439.822.707</u>	<u>4.504.264.975.529</u>

23.10 Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	10.359.948	10.361.704
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của tổ chức phát hành	15.943.065.937	284.675.427.398
Tổng cộng	<u>15.953.425.885</u>	<u>284.685.789.102</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
(tiếp theo)

23.11 Phải trả Nhà đầu tư

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.227.716.914.061	4.504.511.707.130
<i>a. Của Nhà đầu tư trong nước</i>	2.808.890.691.190	3.643.509.268.107
<i>b. Của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	322.364.095.544	497.392.993.204
<i>c. Phải trả tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư</i>	96.462.127.327	363.609.445.819
Tổng cộng	<u>3.227.716.914.061</u>	<u>4.504.511.707.130</u>

23.12 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	15.676.334.531	284.439.057.501
Tổng cộng	<u>15.676.334.531</u>	<u>284.439.057.501</u>

23.13 Phải trả vay CTCK của Nhà đầu tư

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Phải trả nghiệp vụ margin	5.772.303.953.728	4.848.019.255.940
Phải trả gốc margin (Thuyết minh số 7.2)	5.705.988.783.926	4.800.641.653.249
<i>a. Phải trả gốc margin của NĐT trong nước</i>	5.705.988.783.926	4.800.641.653.249
<i>b. Phải trả gốc margin của NĐT nước ngoài</i>	-	-
Phải trả lãi margin	66.315.169.802	47.377.602.691
<i>a. Phải trả lãi margin của NĐT trong nước</i>	66.315.169.802	47.377.602.691
<i>b. Phải trả lãi margin của NĐT nước ngoài</i>	-	-
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Thuyết minh số 7.2)	178.431.702.321	256.265.162.287
<i>a. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của NĐT trong nước</i>	178.431.702.321	256.265.162.287
<i>b. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của NĐT nước ngoài</i>	-	-
Tổng cộng	<u>5.950.735.656.049</u>	<u>5.104.284.418.227</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

24.1 Lãi/lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán cùng kỳ năm nay VND	Lãi bán chứng khoán cùng kỳ năm trước VND
I	LÃI BÁN						
1	Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ niêm yết và đăng ký giao dịch trên UPCoM	41.486.449	28.409	1.178.608.001.880	1.073.700.708.260	104.907.293.620	57.546.006.043
	PVP	3.800.000	15.363	58.380.955.000	33.592.000.000	24.788.955.000	20.408.175.000
	LPB	2.050.062	27.430	56.234.084.300	44.114.427.948	12.119.656.352	1.302.778.383
	Cổ phiếu/ CCQ khác	35.636.387	29.857	1.063.992.962.580	995.994.280.312	67.998.682.268	35.835.052.660
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	49	70.600	3.459.400	2.622.916	836.484	-
3	Trái phiếu niêm yết	21.000.000	108.175	2.271.682.000.000	2.269.307.443.824	2.374.556.176	7.963.693.803
	TD2333117	7.000.000	113.768	796.377.000.000	794.953.737.707	1.423.262.293	-
	Trái phiếu niêm yết còn lại	14.000.000	105.379	1.475.305.000.000	1.474.353.706.117	951.293.883	7.963.693.803
4	Trái phiếu chưa niêm yết	3.229.015	932.383	3.010.679.276.056	2.998.011.260.763	12.668.015.293	5.641.307.385
	MB.BOND.2017.7Y.14	11.500	103.592.627	1.191.315.206.500	1.187.586.090.400	3.729.116.100	-
	VIB12322	600	1.025.319.102	615.191.461.000	613.268.669.017	1.922.791.983	-
	VIB12321	300	1.044.821.919	313.446.575.550	311.966.904.658	1.479.670.892	-
	Trái phiếu chưa niêm yết còn lại	3.216.615	276.914	890.726.033.006	885.189.596.688	5.536.436.318	5.641.307.385
5	Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	32.337.538	174.821	5.653.276.956.980	5.638.518.675.166	14.758.281.814	4.104.627.641
	CDMB-280623.02	80	10.331.236.302	826.498.904.120	821.892.910.414	4.605.993.706	166.008.610
	Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi còn lại	32.337.458	149.263	4.826.778.052.860	4.816.625.764.752	10.152.288.108	3.938.619.031
	Tổng cộng	98.053.051	123.548	12.114.249.694.316	11.979.540.710.929	134.708.983.387	75.255.634.872

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương
Việt Nam

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. LÃI/LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.1 Lãi/lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Đơn vị	Giá bán bình quần	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lỗ bán chứng khoán cùng kỳ năm nay	Lỗ bán chứng khoán cùng kỳ năm trước
				VND	VND	VND	VND	VND
II	LỖ BÁN							
1	Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ niêm yết và đăng ký giao dịch trên UPCom	20.900.256		28.657	598.946.462.880	615.581.956.682	(16.635.493.802)	(20.612.105.788)
	VNM	360.041		67.536	24.315.731.100	26.416.031.239	(2.100.300.139)	(578.538.919)
	Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ còn lại	20.540.215		27.976	574.630.731.780	589.165.925.443	(14.535.193.663)	(20.033.566.869)
2	Trái phiếu niêm yết	2.000.000		100.494	200.988.000.000	203.786.936.307	(2.798.936.307)	(298.565.754)
	TD2333120	1.000.000		100.988	100.988.000.000	102.483.622.950	(1.495.622.950)	-
	TD1724415	500.000		100.000	50.000.000.000	51.276.135.275	(1.276.135.275)	-
	Trái phiếu niêm yết còn lại	500.000		100.000	50.000.000.000	50.027.178.082	(27.178.082)	(298.565.754)
3	Trái phiếu chưa niêm yết	10.900		92.714.546	1.010.588.548.350	1.014.176.409.895	(3.587.861.545)	(215.880.900)
	VIB12321	550		1.019.393.843	560.666.613.650	564.012.581.422	(3.345.967.772)	-
	Trái phiếu chưa niêm yết còn lại	10.350		43.470.718	449.921.934.700	450.163.828.473	(241.893.773)	(215.880.900)
4	Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	25.903.843		100.298	2.598.114.262.836	2.598.126.129.152	(11.866.316)	(77.210.856)
	CI2414993483	1.500.000		98.271	147.407.230.685	147.413.145.206	(5.914.521)	-
	Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi còn lại	24.403.843		100.423	2.450.707.032.151	2.450.712.983.946	(5.951.795)	(77.210.856)
	Tổng cộng	48.814.999		90.313	4.408.637.274.066	4.431.671.432.036	(23.034.157.970)	(21.203.763.298)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính năm 2024:

<i>STT</i>	<i>Danh mục các loại tài sản tài chính</i>	<i>Giá trị mua theo sổ kế toán</i> VND	<i>Giá trị hợp lý</i> VND	<i>Số dư chênh lệch</i> <i>đánh giá lại</i> <i>cuối năm</i> VND	<i>Số dư chênh lệch</i> <i>đánh giá lại</i> <i>đầu năm</i> VND	<i>Chênh lệch thuần</i> <i>điều chỉnh số kế</i> <i>toán trong năm</i> VND
I	Loại FVTPL					
1	Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ niêm yết	481.215.666.280	535.526.413.194	54.310.746.914	29.749.540.903	24.561.206.011
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	40.716.495.856	40.707.069.830	(9.426.026)	(5.998.526)	(3.427.500)
3	Trái phiếu niêm yết	697.292.102.739	673.880.000.000	(23.412.102.739)	8.980.083.905	(32.392.186.644)
4	Trái phiếu chưa niêm yết	2.388.770.250.950	2.388.770.250.950	-	-	-
5	Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	2.970.387.044.100	2.970.387.044.100	-	-	-
	Tổng cộng	6.578.381.559.925	6.609.270.778.074	30.889.218.149	38.723.626.282	(7.834.408.133)

Ghi nhận vào báo cáo hoạt động:

- Chênh lệch tăng về đánh giá lại
- Chênh lệch giảm về đánh giá lại

Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm

8.468.877.440
16.303.285.573
(7.834.408.133)

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương
Việt Nam

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
24.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính năm 2023:

<i>STT</i>	<i>Danh mục các loại tài sản tài chính</i>	<i>Giá trị mua theo số kế toán</i> VND	<i>Giá trị hợp lý</i> VND	<i>Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm</i> VND	<i>Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm</i> VND	<i>Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm</i> VND
I	Loại FVTPL					
1	Cổ phiếu/Chứng chỉ quỹ niêm yết	221.456.558.138	251.206.099.041	29.749.540.903	7.332.754.875	22.416.786.028
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	40.716.495.856	40.710.497.330	(5.998.526)	(6.050.015)	51.489
3	Trái phiếu niêm yết	669.306.416.095	678.286.500.000	8.980.083.905	(37.280.964.040)	46.261.047.945
4	Trái phiếu chưa niêm yết	1.761.072.436.972	1.761.072.436.972	-	7.142.300.004	(7.142.300.004)
5	Chứng chỉ tiền gửi và hợp đồng tiền gửi	3.471.308.219.176	3.471.308.219.176	-	-	-
	Tổng cộng	6.163.860.126.237	6.202.583.752.519	38.723.626.282	(22.811.959.176)	61.535.585.458

Ghi nhận vào báo cáo hoạt động:

- Chênh lệch tăng về đánh giá lại
- Chênh lệch giảm về đánh giá lại

Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm

33.633.906.737
(27.901.678.721)
61.535.585.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS, các khoản cho vay

	<i>Năm 2024</i>	<i>Năm 2023</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Từ tài sản tài chính FVTPL	315.694.777.622	355.715.400.855
Từ tài sản tài chính HTM	-	9.625.629.080
Từ các khoản cho vay	634.145.548.488	493.372.001.493
Từ tài sản tài chính AFS	-	6.058.115.542
Tổng cộng	949.840.326.110	864.771.146.970

25. DOANH THU NGOÀI THU NHẬP TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	<i>Năm 2024</i>	<i>Năm 2023</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	370.762.942.054	342.697.783.281
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	12.740.222.400	300.036.581
Thu nhập hoạt động tư vấn tài chính	2.896.999.999	1.896.272.727
Thu nhập nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	18.723.836.568	24.981.595.358
Thu nhập hoạt động khác	5.480.987.120	7.877.797.409
Tổng cộng	410.604.988.141	377.753.485.356

26. DOANH THU TÀI CHÍNH

	<i>Năm 2024</i>	<i>Năm 2023</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	13.241.825.189	36.663.940.573
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã thực hiện	11.338.088.205	3.978.425.513
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.903.736.984	32.685.515.060
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.820.380.175	1.232.726.335
Tổng cộng	16.062.205.364	37.896.666.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm 2024</i>	<i>Năm 2023</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	13.368.780.153	36.679.566.670
- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện	555.742.869	34.811.452.021
- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	12.813.037.284	1.868.114.649
Chi phí lãi vay	343.741.466.492	309.152.466.840
Tổng cộng	357.110.246.645	345.832.033.510

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<i>Năm 2024</i>	<i>Năm 2023</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	82.437.328.327	76.391.829.195
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	6.696.509.419	6.230.430.800
Chi phí văn phòng phẩm	905.606.260	938.565.722
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.232.804.481	8.277.300.164
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.081.678.168	3.278.446.536
Chi phí thuế, phí và lệ phí	2.192.519.591	2.431.746.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.801.299.499	31.611.970.795
Chi phí dự phòng	790.647.108	-
Chi tiếp khách, hội họp, đối ngoại lễ tân	10.365.729.989	11.071.292.685
Chi phí khác	19.088.780.640	12.902.416.428
Tổng cộng	164.592.903.482	153.133.999.099

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo thu nhập toàn diện vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% (năm 2023: 20%) trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	633.760.162.631	607.565.814.954
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng	14.772.666.402	(30.520.503.250)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm	3.989.240	49.481
- Chênh lệch giảm đánh giá tài sản tài chính FVTPL (trừ cổ phiếu niêm yết)	15.193.808.720	(30.352.007.746)
- Dự phòng phải thu khó đòi không đủ điều kiện theo thông tư 48	(319.741.890)	(163.124.985)
- Chi phí bảo hiểm nhân thọ được khấu trừ 20%	(134.186.667)	-
- Chi phí không được trừ	28.796.999	(5.420.000)
Các khoản điều chỉnh giảm	8.473.566.380	33.635.986.873
- Chênh lệch tăng đánh giá tài sản tài chính FVTPL	8.468.877.440	33.633.906.737
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm	4.688.940	2.080.136
Thu nhập miễn thuế (Cổ tức)	5.140.965.609	8.691.742.288
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	634.918.297.044	534.717.582.543
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	126.983.659.409	106.943.516.509
Bổ sung Thuế TNDN sau quyết toán	59.798.687	211.195.704
Thuế TNDN phải nộp trong năm	127.043.458.096	107.154.712.213
Thuế TNDN phải trả đầu năm	21.170.610.555	21.708.094.689
Thuế TNDN đã trả trong năm	124.510.403.178	107.692.196.347
Thuế TNDN phải trả cuối năm	23.703.665.473	21.170.610.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

<i>Danh sách bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank	Công ty liên doanh của Ngân hàng mẹ
Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Có ảnh hưởng đáng kể

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Tên các bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Thu nhập/(Chi phí)</i>	
		<i>Năm 2024</i> <i>VND</i>	<i>Năm 2023</i> <i>VND</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Thu nhập lãi tiền gửi	65.864.023	94.164.998
	Chi phí thuê văn phòng và hợp tác kinh doanh	(16.024.871.146)	(13.435.825.698)
	Doanh thu lưu ký, môi giới	100.000.000	109.920.000
	Phí ngân hàng	(128.453.413)	(147.920.466)
	Thu nhập lãi trái phiếu	10.156.776.551	6.805.019.313
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Vietcombank	Doanh thu môi giới khác	555.239.720	680.355.731
	Doanh thu khác	49.707.557	45.293.497
Thu nhập của các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Hội đồng thành viên	17.932.159.493	18.437.807.950

Số dư của Công ty với các bên liên quan bao gồm:

<i>Tên các bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu/(Phải trả)</i>	
		<i>31/12/2024</i> <i>VND</i>	<i>31/12/2023</i> <i>VND</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Tiền gửi thanh toán	39.920.870.438	17.685.669.540
	Lãi dự thu trái phiếu	-	1.319.316.438
	Phải thu khác	13.324.682	128.716.147
	Cổ phiếu và trái phiếu	-	181.156.788.824
	Chi phí phải trả ngắn hạn khác	856.402.365	840.610.747

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>31/12/2024</u>	<u>31/12/2023</u>
Đến 1 năm	30.469.414.842	30.113.825.624
Trên 2 – 5 năm	55.559.013.345	53.355.852.117
TỔNG CỘNG	<u>86.028.428.187</u>	<u>83.469.677.741</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư chứng khoán.

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng cách phân tích độ nhạy liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Khi tính toán phân tích độ nhạy, ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

	<i>Giá trị ghi số</i>	
	<i>31/12/2024</i>	<i>31/12/2023</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.131.514.212	18.963.747.296
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	4.037.760.085.252	6.202.583.752.519
Các khoản cho vay	5.884.420.486.247	5.056.906.815.536
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	20.000.000.000
Tiền nộp Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh	10.000.000.000	10.000.000.000
Nợ phải trả tài chính		
Vay ngắn hạn	(7.165.369.195.889)	(5.928.379.095.808)
Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ	(340.629.250.000)	(301.496.571.429)
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Tài sản tài chính		
Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.995.277.209.797	1.191.072.436.972
Nợ phải trả tài chính		
Vay ngắn hạn	(690.000.000.000)	(1.217.285.000.000)

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vì đa phần các công cụ tài chính trong năm có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá do Công ty đã áp dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá thị trường của các cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên UPCOM và chứng chỉ quỹ niêm yết của Công ty là 535.526.413.194 VND. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay khách hàng và phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu bị suy giảm giá trị như được trình bày dưới đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	<i>Không quá hạn và không bị suy giảm VND</i>	<i>Quá hạn nhưng không bị suy giảm VND</i>	<i>Quá hạn và bị suy giảm giá trị VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.131.514.212	-	-	41.131.514.212
Các khoản cho vay	5.884.420.486.247	-	-	5.884.420.486.247
Các khoản phải thu	191.703.871.001	-	-	191.703.871.001
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	1.602.037.290	-	506.203.925	2.108.241.215
Các khoản phải thu khác	2.673.247.996	-	977.694.000	3.650.941.996
Trả trước cho người bán	7.550.969.862	-	-	7.550.969.862
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	3.088.445.800	-	-	3.088.445.800
Tổng cộng	6.132.170.572.408	-	1.483.897.925	6.133.654.470.333

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 01 năm VND	Từ 01 – 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	41.131.514.212	-	-	-	41.131.514.212
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	521.932.162.136	1.770.387.044.100	1.526.268.360.481	2.759.793.993.208	6.578.381.559.925
Các khoản cho vay (*)	-	-	5.884.420.486.247	-	-	5.884.420.486.247
Các khoản phải thu (*)	-	-	191.703.871.001	-	-	191.703.871.001
Trả trước cho người bán	-	-	7.550.969.862	-	-	7.550.969.862
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	506.203.925	-	1.602.037.290	-	-	2.108.241.215
Các khoản phải thu khác	977.694.000	-	2.673.247.996	-	-	3.650.941.996
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	-	-	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Quỹ bù trừ chứng khoán phát sinh	-	-	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Tổng cộng	1.483.897.925	563.063.676.348	7.858.337.656.496	1.556.268.360.481	2.759.793.993.208	12.738.947.584.458
NỢ TÀI CHÍNH						
Vay ngắn hạn	-	-	7.855.369.195.889	-	-	7.855.369.195.889
Giao dịch mua bán lại Trái phiếu chính phủ	-	-	340.629.250.000	-	-	340.629.250.000
Phải trả cho người bán khác	-	-	26.510.794.183	-	-	26.510.794.183
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	8.116.785.386	-	-	8.116.785.386
Người mua trả tiền trước chứng khoán	-	-	100.000.000	-	-	100.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	27.436.463.716	-	-	27.436.463.716
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	41.457.959.273	-	-	41.457.959.273
Phải trả, phải nộp khác	-	-	5.569.575.393	-	-	5.569.575.393
Tổng cộng	-	-	8.305.190.023.840	-	-	8.305.190.023.840
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	1.483.897.925	563.063.676.348	(446.852.367.344)	1.556.268.360.481	2.759.793.993.208	4.433.757.560.618

(*) Không tính dự phòng rủi ro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập biểu



Bà Lê Thu Hiền
Kế toán tổng hợp

Người phê duyệt



Bà Lê Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Ông Lê Việt Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

